

V/v: CBTT báo cáo thường niên
năm 2020

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 04 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Kính gửi:**
- Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
 - Quý cổ đông

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Mã chứng khoán: TDT

Địa chỉ trụ sở chính: Xóm Thuần Pháp, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 02086 567 898

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Việt Thắng- Người được ủy quyền công bố thông tin

Loại thông tin công bố 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT thực hiện Công bố thông tin về báo cáo thường niên năm 2020

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: www.tdtgroup.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c)
- Ban Tổng GD (để b/c)
- Lưu TK, HĐQT.

Người được ủy quyền thực hiện
công bố thông tin



NGUYỄN VIỆT THẮNG



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2020**



MỤC LỤC

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TẤM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

A. THÔNG TIN CHUNG

A1. Thông tin khái quát	10
A2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	14
A3. Mô hình quản trị	16
A4. Ban lãnh đạo	20
A5. Phân tích SWOT	28
A6. Vị thế của Công ty trong ngành	30
A7. Các rủi ro	34

C. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

C1. Đánh giá tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh	50
C2. Tình hình tài chính	52
C3. Định hướng phát triển trong tương lai	54

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2020

B1. Thông tin ngành	38
B2. Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch	38
B3. Kết quả kinh doanh qua các năm	39
B4. Tổ chức và nhân sự	42
B5. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án	43
B6. Tình hình tài chính	44
B7. Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	46

D. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

D1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh TDT năm 2020	58
D2. Kết quả thực hiện các định hướng chiến lược đề ra	58
D3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc	59
D4. Hoạt động của HĐQT năm 2020	60
D5. Định hướng hoạt động năm 2021	62

E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

E1. Hội đồng quản trị	66
E2. Ban kiểm soát	66
E3. Tăng trưởng quản trị công ty	69

G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

F. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

F1. Chính sách người lao động	72
F2. Chính sách liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	74

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên;

Năm 2020 là một chặng đường khó khăn khi đại dịch Covid – 19 bùng phát đã gây khủng hoảng lên tình hình kinh tế và xã hội. Kinh tế thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề do hoạt động sản xuất và giao thương bị đình trệ, điều đứng, nhu cầu dùng giảm mạnh. Các hoạt động xã hội bị giảm thiểu, người dân bắt buộc phải ở nhà khi dịch bệnh diễn biến phức tạp. Là một quốc gia phụ thuộc nhiều vào hoạt động xuất nhập khẩu, kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề do sự thay đổi đột ngột của chính sách giao thương và nhu cầu tiêu dùng thay đổi tại các thị trường quốc tế. Trong tình hình đó, nền kinh tế Việt Nam vẫn có điểm sáng đầy tự hào với mức tăng trưởng 2,91% thuộc nhóm các quốc gia tăng trưởng cao nhất toàn cầu. Lạm phát tiếp tục được kiểm soát dưới mức mục tiêu đề ra 4%. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2020 ước tính đạt 19,98 tỷ USD, giảm 1,96% so với năm 2019. Đồng thời, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu thông qua ngày 12/2/2020 và có hiệu lực từ ngày 1/8/2020 có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy giao thương, tăng cường xuất khẩu các sản phẩm Việt Nam đến thị trường châu Âu.

Tính chung cả năm 2020, kinh ngạch hàng hóa xuất khẩu tăng 6,5% so với năm 2019 đạt mức 281.5 tỷ USD. Trong đó, ngành Dệt may ghi nhận kim ngạch xuất khẩu đạt 35 tỷ USD, tương đương với mức suy giảm 10%. Mức suy giảm này do khí dịch bệnh diễn biến phức tạp, nhu cầu mua sắm quần áo giảm sút khi người dân buộc phải ở nhà.

Trong bối cảnh khó khăn đó, cùng với sự đồng lòng của Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển TDT đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Năm 2020, doanh thu thuần đạt 271 tỷ đồng, giảm 25% so với năm 2019; lợi nhuận sau thuế đạt 16 tỷ đồng, giảm 39% so với năm 2019. Tổng tài sản đạt 395 tỷ tăng 16% so với năm 2020.

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT xin gửi lời cảm ơn chân thành tới tất cả quý vị - những người đã theo dõi và đồng hành cùng Công ty trong suốt tiến trình gây dựng và trưởng thành. Cùng nhau, chúng ta hãy tạo nên một tập thể đoàn kết, lớn mạnh, cầu tiến và luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Trân trọng cảm ơn!

Chủ tịch HĐQT

CHU THUYỀN

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TẦM NHÌN

TDT không ngừng nỗ lực phấn đấu trở thành một trong những công ty hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực cung ứng các sản phẩm may mặc thời trang xuất khẩu. Khẳng định thương hiệu và đẳng cấp quốc tế để trở thành đối tác trực tiếp của các thương hiệu thời trang uy tín của thế giới.

SỨ MỆNH

Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất mang lại sự hài lòng cho các đối tác, khách hàng. Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và nhân văn; tạo điều kiện thu nhập cao và cơ hội phát triển công bằng cho tất cả nhân viên cho mọi thành viên của TDT. Hài hòa lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội; đóng góp tích cực vào các hoạt động hướng về công đồng; minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh và luôn thượng tôn pháp luật.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

UY TÍN: Luôn chuẩn bị đầy đủ năng lực thực thi và nỗ lực hết mình để đảm bảo đúng cam kết.

ĐOÀN KẾT: Luôn đề cao tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên của TDT.

CHIA SẺ: Chia sẻ lợi ích hài hòa với các đối tác, cổ đông và người lao động.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2019	2020	2020/2019
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	216,58	285,54	365,00	270,82	74%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	170,87	224,81	284,52	195,02	68%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	45,71	60,73	80,48	75,80	94%
Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	25,84	32,98	44,06	53,38	121%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	13,37	22,06	30,77	16,92	55%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	-6,05	-5,69	-5,63	-5,48	97%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Tỷ đồng	0,22	0,49	0,77	1,35	175%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	13,58	22,55	31,54	18,27	58%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	12,42	20,63	26,15	15,71	60%
Bảng cân đối kế toán						
Tổng tài sản	Tỷ đồng	209,18	250,18	340,80	394,73	116%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	94,31	105,33	155,02	169,96	109%
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	80,15	80,15	116,21	139,46	120%
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu						
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	13,1%	19,59%	20,10%	9,70%	
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	5,94%	8,25%	8,90%	4,30%	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	VNĐ	2.449	2.574	3.263	1.261	38%
Cổ tức	%		15%	20%	15%	

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT





A. THÔNG TIN CHUNG

A1. Thông tin khái quát	10
A2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	14
A3. Mô hình quản trị	16
A4. Ban lãnh đạo	20
A5. Phân tích SWOT	28
A6. Vị thế của Công ty trong ngành	30
A7. Các rủi ro	34

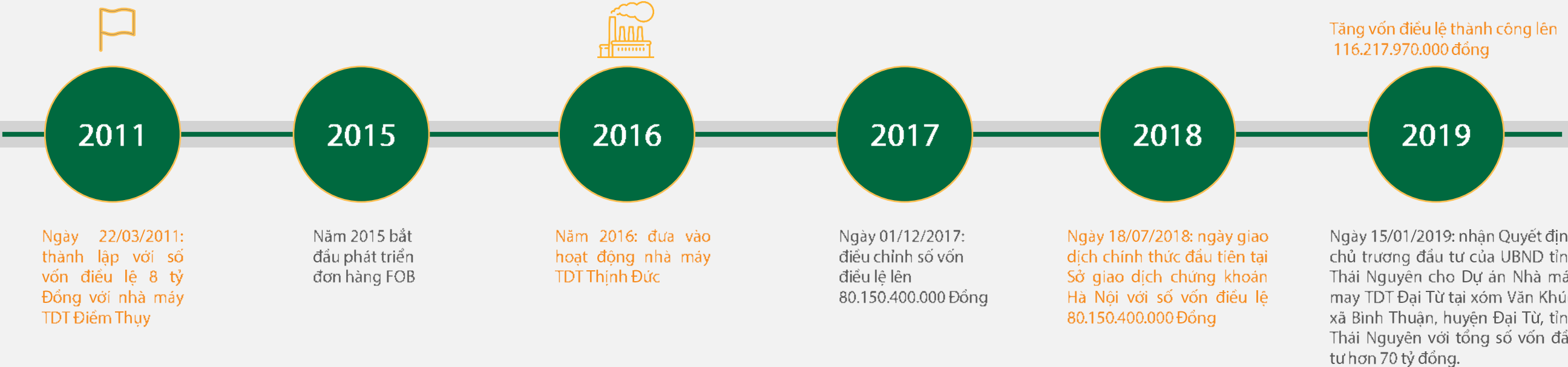
A1. THÔNG TIN CHUNG



Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT	Địa chỉ	Xã Điểm Thụy, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Giấy chứng nhận ĐKDN	4600941221	Số điện thoại	0208 656 7898
Vốn điều lệ	139.461.440.000 Đồng (tính đến 31/12/2020)	Số fax	0208 356 9898
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	169.959.924.306 Đồng (tính đến 31/12/2020)	Website	http://www.tdtgroup.vn
Mã cổ phiếu	TDT	Slogan	Đoàn kết & Phát triển

A1. THÔNG TIN CHUNG

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



CÁC SỰ KIỆN, GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT TRONG NĂM 2020

Ban giám đốc và BCH Công đoàn Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT đã long trọng tổ chức Hội nghị Người lao động năm 2020



Trong quý 2 năm 2020, công ty tăng số vốn điều lệ lên mức 139.461.440.000 đồng



Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT đã long trọng Tổ chức Hội nghị sơ kết công tác sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020



Ngày 24/6/2020. Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT đã tiến hành ký kết thỏa thuận hợp tác, phối hợp triển khai các hoạt động đào tạo với Trường Đại học Công nghiệp Dệt may Hà Nội nhằm đáp ứng nhu cầu tuyển dụng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.



A2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính

TDT là một thành viên của Hiệp hội Dệt may Việt Nam, tổ chức xã hội – nghề nghiệp được thành lập năm 1999 trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng của các tổ chức, cá nhân của mọi thành phần kinh tế hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu, tiêu thụ, dịch vụ thuộc chuyên ngành kinh tế - kỹ thuật dệt may Việt Nam.

Với hoạt động kinh doanh chủ yếu thuộc phân khúc gia công xuất khẩu, TDT hiện tập trung vào hai phương thức sản xuất chính là: CMT và FOB.

CMT - Cut, Make, Trim, là quy trình gia công bao gồm các công đoạn:

- Cut: Cắt vải từ cuộn vải theo rập thiết kế sẵn từ phía khách hàng.
- Make: May, khâu, vá lại với vải với nhau thành sản phẩm hoàn chỉnh.
- Trim: Cắt chỉ và làm sạch chỉ khỏi quần áo sau khi khâu. Thực hiện kiểm tra, hoàn thiện sản phẩm, đóng gói hàng thành phẩm theo yêu cầu.

FOB - Free On Board: DN sản xuất nhận đơn đặt hàng may mặc sử dụng nguồn nguyên liệu và tài sản của mình, từ nguồn hàng, máy móc, chi phí, nhân công, v.v. để hoàn thành đơn hàng được đặt may và đưa hàng ra ngoài cảng

Mạng kinh doanh FOB được đưa vào kinh doanh từ năm 2015. Theo đó, các đơn hàng được đưa đi gia công tại các nhà máy vệ tinh của TDT tại Thái Nguyên và các tỉnh khác.

Trong thời gian tới, TDT dự kiến tiếp tục tập trung các nguồn lực để phát triển mô hình FOB đem lại nhiều lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Địa bàn kinh doanh

Sản phẩm của TDT được phân phối rộng rãi trên thị trường trong nước và đặc biệt là thị trường quốc tế. Trong đó, Mỹ và EU là hai thị trường xuất khẩu truyền thống của TDT. Trong thời gian tới, Công ty có định hướng phát triển thị trường Nhật Bản, hiện đang là thị trường xuất khẩu hàng dệt may đứng thứ 3 của Việt Nam. Hiện nay, TDT có ba nhà máy đang hoạt động TDT Điểm Thủy, TDT Thịnh Đức và TDT Đại Từ (TDT Đại Từ bắt đầu hoạt động từ Q4.2019)

A3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

A3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua: Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình Công ty; Báo cáo của Hội đồng Quản trị; Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có các quyền và nhiệm vụ sau: Thông qua định hướng phát triển của Công ty; Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

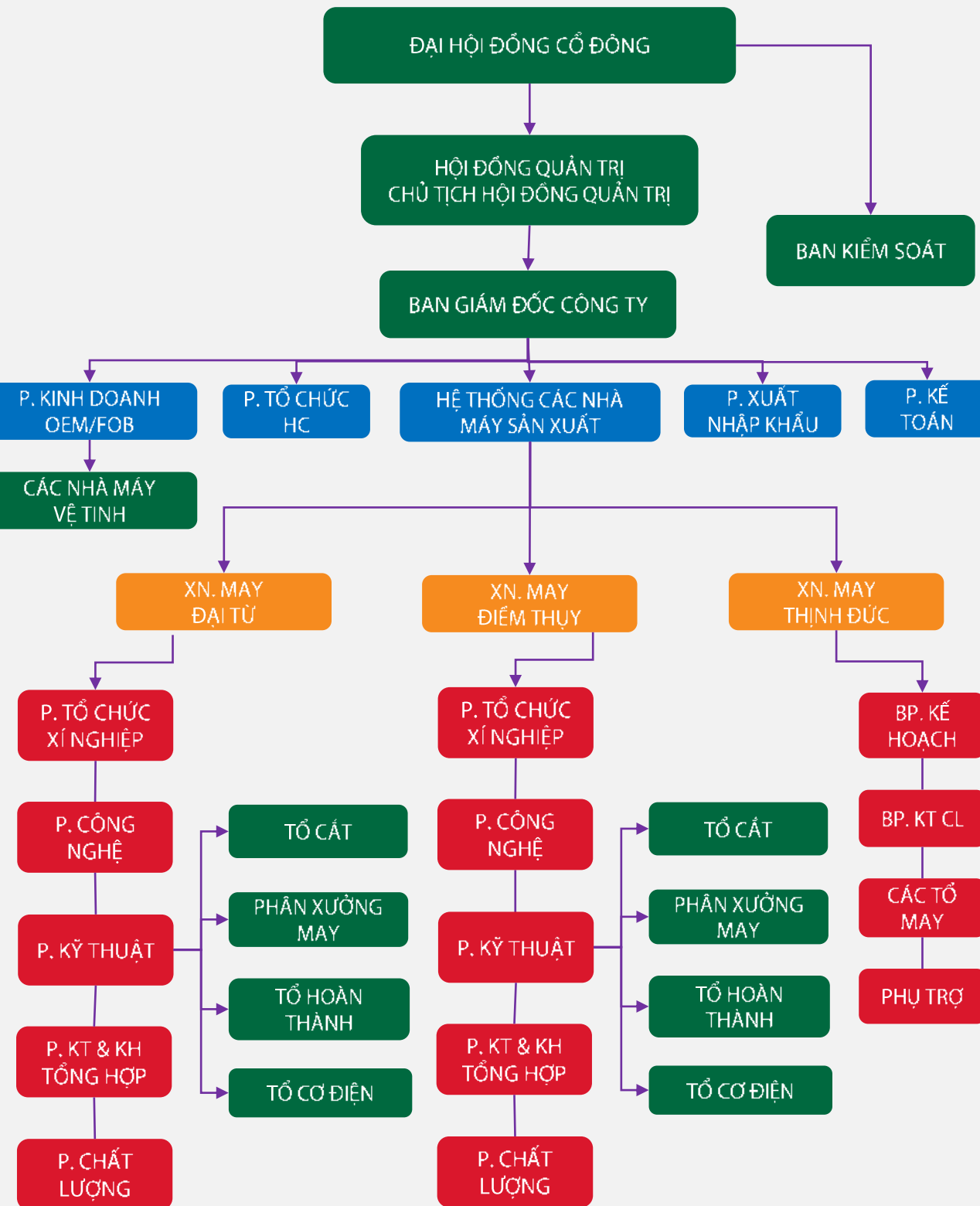
Là cơ quan quản lý của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 07 thành viên với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau: Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại; Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Ban Tổng giám đốc

Bao gồm 01 Tổng Giám đốc thực hiện các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây: Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị; Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát

Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây: Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông; Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty; Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



A3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Phòng kinh doanh OEM/FOB

- Phát triển khách hàng OEM/FOB;
- Xây dựng và hoàn thiện mô hình quản lý đơn hàng OEM/FOB. Từng bước nâng cao trình độ quản lý đơn hàng OEM/FOB ngày càng chuyên nghiệp và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng giá trị ngành may;
- Nắm bắt xu hướng phát triển của ngành may trên bình diện quốc tế để có những chiến lược và bước phát triển phù hợp;
- Theo dõi sát sao sự chuyển dịch của ngành may theo thời gian để có những quyết định chính xác về khách hàng và ngành hàng phù hợp cho Công ty;
- Xây dựng kế hoạch khách hàng, doanh thu cho từng năm;
- Hỗ trợ Công ty trong công tác xúc tiến thương mại, marketing, quảng bá thương hiệu Công ty;
- Quản lý toàn bộ các đơn hàng OEM/ FOB và các đơn hàng sản xuất tại nhà máy vệ tinh.

Phòng Xuất nhập khẩu

- Tham mưu giúp Ban giám đốc Công ty thực hiện quản lý về công tác chuyên môn, nghiệp vụ xuất nhập khẩu;
- Thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu theo ủy quyền của Tổng giám đốc Công ty và theo quy định của pháp luật;
- Nghiên cứu theo dõi các chủ trương chính sách xuất nhập khẩu, thuế của Nhà nước ban hành để tổ chức triển khai và thực hiện đúng quy định;
- Phối hợp với các phòng ban, đơn vị có liên quan trong việc đảm bảo xuất nhập khẩu hàng hóa chính xác, nhanh, phục vụ kịp thời cho sản xuất;
- Quản lý chặt chẽ các chi phí xuất nhập khẩu, vận tải, tìm các nhà cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu, vận tải có chất lượng và giá cả cạnh tranh;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

Phòng Tổ chức hành chính:

- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về cơ cấu tổ chức, bộ máy, sắp xếp và sử dụng nguồn nhân lực của Công ty;
- Tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng, đào tạo và nâng bậc lương, theo dõi công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật;
- Tổ chức quản lý, lưu trữ hồ sơ lý lịch, thẩm tra và bổ sung lý lịch hàng năm, thống kê số lượng và chất lượng lao động; Xây dựng quy trình đánh giá xếp loại người lao động; xây dựng các nội quy, quy chế, điều lệ công ty và các văn bản, tài liệu khác phục vụ công tác quản lý của Công ty;
- Quản lý trang thiết bị, tài sản, công cụ lao động, phương tiện làm việc tại khu vực trụ sở văn phòng Công ty;
- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về chính sách trả lương và đãi ngộ đối với người lao động; Tổ chức thực hiện các chế độ chính sách lao động cho người lao động;
- Quản lý công tác lễ tân, tiếp khách, văn thư, lưu trữ, con dấu;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

Phòng Kế toán:

- Quản lý và tổ chức thực hiện hệ thống tài chính, kế toán tại Công ty theo Luật kế toán và các chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước về lĩnh vực tài chính, kế toán;
- Phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của Công ty;
- Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của Pháp luật;
- Lập báo cáo hợp nhất từ các công ty con và tư vấn các chính sách về cơ cấu vốn, chính sách đầu tư, chính sách nguồn vốn cho Ban lãnh đạo Công ty;
- Xây dựng hệ thống lập ngân sách tài chính và dự báo tài chính cho Công ty trong từng giai đoạn phát triển;
- Tư vấn cho Hội đồng quản trị về chính sách cổ đông, cổ tức;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

Hệ thống các xí nghiệp sản xuất:

Xí nghiệp May Điểm Thụy, Chi nhánh may TDT Đại Từ

- Phòng Kỹ thuật
 - Xây dựng và duy trì thực hiện từng quy trình cụ thể về công tác quản lý kỹ thuật cho từng bộ phận;
 - Đảm bảo đồng bộ công tác kỹ thuật theo tiến độ sản xuất, hợp đồng đã ký và cam kết với khách hàng. Hướng dẫn và xử lý kịp thời các phát sinh về công tác kỹ thuật trong quá trình sản xuất;
 - Tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế, quy định, kế hoạch khác theo phân công; Tổ chức hợp với các bộ phận. Đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ;
 - Phụ trách hoạt động của các tổ đội sản xuất và hỗ trợ, bao gồm: Tổ cắt, các phân xưởng may, Tổ hoàn thành và Tổ cơ điện.
- Phòng Kế hoạch sản xuất
 - Tiếp nhận thông tin về các đơn hàng; phối hợp với các phòng có liên quan lập/xem xét thiết kế, dự toán theo quy định; chủ trì hoạch định quá trình tạo sản phẩm theo yêu cầu của từng đơn hàng và theo yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng;
 - Tổ chức phân công và điều phối nguồn lực tham gia sản xuất; hướng dẫn, chỉ đạo, điều hành, kiểm soát các quá trình sản xuất trên cơ sở tuân thủ, các quy trình, quy phạm, mục tiêu của dự án và hệ thống kế hoạch tổ chức thực hiện dự án đã được phê duyệt;
 - Thống kê các yêu cầu của khách hàng đối với sản phẩm. Chủ trì và phối hợp với các phòng chỉ đạo giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình sản xuất, xử lý các sản phẩm không phù hợp, giải quyết các khiếu nại của khách hàng liên quan đến tiến độ và chất lượng sản phẩm.
- Phòng Thiết kế và Phát triển mẫu
 - Tham mưu về thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật cho ban điều hành công ty;

- Thiết kế mặt hàng theo yêu cầu của khách hàng, thiết kế mặt hàng mới, nắm vững đặc tính của chất liệu, nghiên cứu để xuất chất liệu phù hợp, cung cấp thông số kỹ thuật, dữ liệu liên quan đến sản phẩm, tham gia xây dựng định mức nguyên vật liệu để kiểm soát quá trình sản xuất và cung cấp thông tin nghiên cứu đầu tư trang thiết bị mới;
- Giải quyết yêu cầu, khiếu nại, vướng mắc của khách hàng liên quan đến thiết kế và định mức nguyên liệu sản phẩm.

- Phòng Công nghệ
 - Tham mưu cho ban điều hành Công ty các vấn đề liên quan đến công nghệ trong sản xuất;
 - Theo dõi, quản lý các vấn đề công nghệ liên quan đến may mặc trong công ty. Nghiên cứu, lên phương án cập nhật các công nghệ mới;
 - Quản lý các bộ phận trực thuộc: Kỹ thuật chuyển, Ke gá, Mẫu dấu.
- Phòng Quản lý chất lượng
 - Xây dựng và duy trì thực hiện có hiệu lực hệ thống quản lý chất lượng trong Công ty;
 - Hướng dẫn và xử lý kịp thời các phát sinh không đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật của khách hàng trong quá trình sản xuất. Tổ chức kiểm tra sản phẩm đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đúng tiến độ sản xuất;
 - Đảm bảo công tác đánh giá nhà máy về chất lượng hàng hóa; Tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế, quy định, kế hoạch khác theo phân công;
 - Đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động, Phòng chống cháy nổ.

Xí nghiệp May Thịnh Đức

- Bộ phận Kế hoạch: xây dựng kế hoạch nhận đơn hàng để phân bổ đến từng bộ phận.
- Bộ phận Kiểm tra chất lượng: chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm của toàn bộ xí nghiệp.
- Các tổ may: vận hành các khâu may, lắp ráp sản phẩm.
- Phụ trợ: hỗ trợ các dây chuyền, tổ may trong các giai đoạn của sản phẩm.

A4. BAN LÃNH ĐẠO

Hội đồng quản trị & Ban Tổng giám đốc



DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Tên	Vị trí	Tỷ lệ sở hữu cổ phần 2020
1	Chu Thuyên	Chủ tịch HĐQT	15,78%
2	Nguyễn Việt Thắng	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	8,6%
3	Đặng Đình Vụ	Thành viên HĐQT	0,79%
4	Phạm Thái Hòa	Thành viên HĐQT	2,14%
5	Dương Ngọc Hải	Thành viên HĐQT độc lập	0,08%
6	Phan Mạnh Hà	Thành viên HĐQT độc lập	0,00%
7	Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT độc lập	0,01%

A4. BAN LÃNH ĐẠO

Hội đồng quản trị & Ban Tổng giám đốc

Ông CHU THUYỀN

Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh năm: 1970

Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 2.201.100 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 15,78%)

Quá trình công tác

- Năm 2002 - 10/2014: Trưởng nhóm Vật tư – XNK - Phòng kế hoạch vật tư công ty May Thái Nguyên
- Tháng 10/2004 - 08/2007: Giám đốc Xí nghiệp Vật tư vận tải - Công ty CP đầu tư và Thương mại TNG
- Tháng 08/2007 - 03/2011: Giám đốc Trung tâm thời trang TNG - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Tháng 03/2011: Cùng với các cổ đông khác, ông Chu Thuyên sáng lập và giữ vai trò Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT
- Từ 11/ 2016 – 18/09/2020: Bên cạnh vị trí Chủ tịch HĐQT, ông Chu Thuyên đã đảm nhiệm thêm vị trí Tổng Giám đốc góp phần đóng góp kinh nghiệm trong lĩnh vực dệt may của mình vào hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Từ 18/09/2020 – Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị và thôi không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc. (Đảm bảo tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP)

Ông NGUYỄN VIỆT THẮNG

Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Sinh năm: 1975

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.200.000 cổ phiếu (tỷ lệ nắm giữ 8,60%)

Quá trình công tác

- Năm 2002 - 10/2014: Trưởng đại diện hãng tàu OOCL tại Hà Nội - Công ty Liên doanh vận tải biển Việt Pháp (Gematrans);
- 01/2005 - 03/2011: Trưởng phòng Kinh doanh - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG TVHQQT;
- 03/2011 – 18/09/2020: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT.
- 18/09/2020- Nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển TDT.

A4. BAN LÃNH ĐẠO

Hội đồng quản trị & Ban Tổng giám đốc



Ông ĐẶNG ĐÌNH VŨ

Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1961

Trình độ chuyên môn: Trung cấp cơ điện

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 92.000 cổ phiếu (tỷ lệ nắm giữ 0,79%)

Quá trình công tác

- 1982 - 12/2005: Công nhân cơ điện - Công ty CP đầu tư và Thương mại TNG
- 01/2006 - 12/2008: Trưởng phòng quản lý thiết bị - Công ty CP đầu tư và Thương mại TNG
- 01/2009 - 12/2014: Giám đốc xí nghiệp - Công ty CP đầu tư và Thương mại TNG
- 01/2014 - 12/2015: TVHĐQT - Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT
- 01/2016 - 16/06/2020: Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT, TVHĐQT

Ông PHẠM THÁI HÒA

Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1982

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 298.000 cổ phiếu (tỷ lệ nắm giữ 2,14%)

Quá trình công tác

- 2008 - 04/2010: Nhân viên Phòng Kế toán - Công ty CP Đầu tư và TM TNG
- 05/2010- 02/2011: Phó Phòng Kế toán - Công ty CP Đầu tư và TM TNG
- 03/2011- 06/2011: Trưởng phòng Kế toán Công ty CP Đầu tư và TM TNG
- 07/2011- 06/2014: Kế toán trưởng - Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT
- 06/2014 - nay: Bên cạnh chức vụ kế toán trưởng, ông Hòa đã được bầu vào vị trí thành viên HĐQT trực tiếp điều hành hoạt động của Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT

Ông DƯƠNG NGỌC HẢI

Thành viên HĐQT độc lập

Sinh năm: 1982

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 10.800 cổ phiếu (tỷ lệ nắm giữ 0,08%)

Quá trình công tác

- 2006 - 10/2008: Cán Bộ tại Sở Khoa Học Và Công Nghệ Thái Nguyên - Trung Tâm Thông Tin Công Nghệ
- 10/2008 - 07/2015: Chủ tịch HĐQT tại Công Ty TNHH Công Nghệ Thông Tin H3T
- 08/2015 - 08/2016: Chủ tịch HĐQT tại Công ty In Thái Nguyên
- 08/2016 - nay: Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần TPS Thái Nguyên
- 05/2018 - nay: Thành viên HĐQT độc lập tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT

Ông PHAN MẠNH HÀ

Thành viên HĐQT độc lập

Sinh năm: 1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0%)

Quá trình công tác

- 2002 - 12/2006: Trưởng phòng Kinh doanh tại Công ty cổ phần Tara
- 01/2006 - 12/2010: Trưởng nhóm giao dịch KH Cao cấp - CTCP Chứng Khoán Kim Long
- 01/2011 - 08/2014: Giám đốc môi giới - CTCP Chứng Khoán Navibank
- 09/2014 - nay: Giám đốc kinh doanh - CTCP Chứng khoán VNDirect
- 04/2019 - nay: Thành viên HĐQT độc lập - CTCP Đầu tư và Phát triển TDT



Hội đồng quản trị & Ban Tổng giám đốc

Ông ĐỖ MẠNH HÙNG

Thành viên HĐQT độc lập

Sinh năm: 1958

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.884 cổ phiếu (tỷ lệ nắm giữ 0,01%)

Quá trình công tác

- 2007-2011: Phó Trưởng đoàn – Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên
- 2011-2016: Phó Chủ nhiệm - Ủy ban các vấn đề Xã hội Quốc hội Việt Nam
- 2016-2018: Phó Chủ nhiệm – Văn phòng quốc hội Việt Nam
- 04/2019 – nay: Thành viên HĐQT độc lập - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT

A4. BAN LÃNH ĐẠO

Ban kiểm soát

Ông NGUYỄN HUY HOÀNG

Trưởng ban kiểm soát

Sinh năm: 1955

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế (CN. kế toán doanh nghiệp)

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 455.400 cổ phiếu (tỷ lệ nắm giữ 3,30%)

Quá trình công tác

- 2000 - 01/2003: Phó Giám đốc tại Công ty May Thái Nguyên
- 01/2003 -12/2005: Phó Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- 01/2006 -12/2010: Phó Tổng Giám đốc - Trưởng ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- 01/2011- 12/2011: Phó Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- 01/2012 – 26/04/2020: Trưởng ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT

A4. BAN LÃNH ĐẠO

Ban kiểm soát

Bà LÊ THỊ HỒNG THẨM

Trưởng ban kiểm soát

Sinh năm: 1973

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý kinh tế

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 36.000 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,26%)

Quá trình công tác

- 09/1993 – 04/2006: Kế toán – Công ty cổ phần Xây dựng số 02 Thái Nguyên
- 05/2005- 09/2010: Kế toán – Trưởng trung cấp nghề số 01 Thái Nguyên
- 10/2010 – 04/2011: Phó phòng kế toán tài vụ - Trưởng trung cấp nghề Thái Nguyên
- 05/2011-03/2020: Trưởng phòng kế toán – Trưởng trung cấp nghề Thái Nguyên
- 01/05/2012- 03/2020: Kế toán trưởng – Trưởng trung cấp nghề Thái nguyên

- 03/2020 – 26/04/2020: Thành viên BKS Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát Triển TDT, Kế toán trưởng – Trưởng Trung cấp nghề Thái Nguyên.
- 26/04/2020 – nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát Triển TDT, Kế toán trưởng – Trưởng Trung cấp nghề Thái Nguyên



A4. BAN LÃNH ĐẠO

Ban kiểm soát

Ông ĐỖ NGỌC TUYẾN

Thành viên ban kiểm soát

Sinh năm: 1980

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản lý nhân lực

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 27.600 cổ phiếu (tỷ lệ nắm giữ 0,19%)

Quá trình công tác

- 06/2010 - 08/2010: Trưởng phòng Tổ chức chi nhánh TNG 4 - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- 09/2010 - 12/2010: Phó Phòng Tổ chức Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- 01/2011 - 04/2011: Trưởng Phòng Tổ chức Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- 05/2011 - nay: Thành viên BKS - Trưởng Phòng Tổ chức Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT

Bà Hà Thị Thu

Thành viên ban kiểm soát

Sinh năm: 1984

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- 06/2006 - 12/2010: NV Kinh Doanh - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- 01/2011- 08/2014: TP Kinh Doanh - CN nhà máy TNG Sông Công, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- 09/2014 - 26/04/2020: Thành viên BKS - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT, TP Kinh Doanh
- 26/04/2020- nay: Trưởng phòng Kinh doanh - Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển TDT.

A4. BAN LÃNH ĐẠO

Ban kiểm soát

Bà NGUYỄN THỊ KIM THÀNH

Thành viên ban kiểm soát

Sinh năm: 1991

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 13.812 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,09%)

Quá trình công tác

- 01/2014 - 05/2017: Nhân viên phòng Kinh doanh - XNK - Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát triển TDT
- 05/2017- 04/2020 : Nhân viên phòng kế toán kế hoạch tổng hợp - Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát Triển TDT
- 26/04/2020 - nay : Thành viên Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát triển TDT

A5. PHÂN TÍCH SWOT

S

Tầm nhìn định hướng phát triển rõ ràng. Việc tập trung và chuyển dịch mô hình phát triển mảng kinh doanh FOB giúp TDT đi đúng và kịp với xu hướng phát triển của các doanh nghiệp dệt may Việt Nam, giúp đem lại nhiều hơn giá trị gia tăng cho cả TDT và đối tác.

Lợi thế cạnh tranh nhờ vị trí địa lý khi đặt nhà máy tại những tỉnh thành được coi là vùng có nhiều lao động giá rẻ nhưng lại có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực may mặc.

Hệ thống quản trị được xây dựng trên nền tảng minh bạch, chuyên nghiệp, tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị cao nhất được áp dụng xuyên suốt từ các bộ phận chức năng của các công ty thành viên đến Tập đoàn. Ban Lãnh đạo có nhiều kinh nghiệm, quản trị trong các doanh nghiệp dệt may lớn tại Việt Nam.

Kế hoạch nâng cấp máy móc, trang thiết bị hiện đại cho nhà máy TDT Điểm Thụy, giúp nhà máy này có thể đáp ứng các đơn hàng số lượng lớn, đòi hỏi chất lượng cao. **Kế hoạch chuyển dịch nhà máy TDT Thịnh Đức** nhằm thu hút và tận dụng thêm nguồn lao động giá rẻ tại địa phương.

W

Quy mô và vốn đầu tư. Mặc dù được Ban Lãnh đạo luôn chú trọng và tập trung phát triển, nhưng quy mô sản xuất và vốn đầu tư của TDT còn khá khiêm tốn và hạn chế so với các doanh nghiệp dệt may khác trên thị trường.

Thương hiệu. Dệt may là ngành kinh tế truyền thống và lâu đời của Việt Nam, với thương hiệu TDT còn non trẻ so với các doanh nghiệp cùng lĩnh vực dệt may, gây nhiều khó khăn cho TDT trong việc tiếp cận các đối tác mới và lớn trên thế giới.

Danh mục khách hàng còn hạn hẹp. Từ những điểm yếu đã được ở trên, dẫn đến việc danh mục khách hàng của TDT còn khá ít, doanh thu của công ty hiện đang phụ thuộc vào một số nguồn khách hàng chính và lâu năm.

O

Nền kinh tế phục hồi sau khi dịch bệnh kết thúc. Trong năm 2021, với kỳ vọng cuộc sống trở lại bình thường (do các quốc gia đã có kinh nghiệm đối phó với dịch bệnh và việc tiêm vắc – xin đang được triển khai nhanh chóng), nhu cầu mua sắm của người dân sau một năm bị kìm nén sẽ tăng trưởng trở lại. Điều này giúp các hãng thời trang lạc quan hơn về triển vọng kinh doanh, từ đó tác động tích cực đến các đơn hàng may truyền thống tại các nhà máy may tại Việt Nam.

Hàng loạt các hiệp định thương mại đã và sẽ được thông qua. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương đã được thông qua và triển khai năm 2019, trong đó có những ưu đãi cụ thể cho ngành dệt may; hiệp định EVFTA đã được EU phê chuẩn đầu năm 2020 đem đến cho TDT những cơ hội được tiếp cận với các thị trường mới tiềm năng mà không gặp phải các rào cản thương mại từ chính phủ các nước đó do đã cam kết trong các hiệp định thương mại.

Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Trước diễn biến của cuộc chiến tranh thương mại luôn có nguy cơ bùng nổ giữa Mỹ, Trung Quốc và có thể dẫn tới sự tham gia của một số quốc gia và khu vực khác như châu Âu, đây là cơ hội để các đơn hàng truyền thống tập trung tại thị trường Trung Quốc chuyển dịch sang Việt nam.

T

Diễn biến dịch bệnh ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động xuất nhập khẩu. Mặc dù các quốc gia đang nhanh chóng triển khai việc tiêm vắc xin phòng chống dịch Covid – 19, tình hình dịch vẫn có thể diễn biến phức tạp. Điều này có thể kể đến một số quốc gia Châu Âu đã phải cách li xã hội lần thứ 3 do các ca nhiễm tăng trở lại. Dịch bệnh nếu tiếp diễn có thể ảnh hưởng đến tốc độ phục hồi của ngành Dệt may trong năm 2021.

Nguồn cung nguyên liệu. Sự phát triển không tương xứng của ngành dệt so với may mặc trong nhiều năm dẫn tới việc nguồn cung nguyên liệu của các doanh nghiệp dệt may phải phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu và khó kiểm soát chặt chẽ chất lượng của các nguồn cung này

Xu hướng bảo hộ sản xuất trong nước. Trong những năm trở lại đây, các thị trường phát triển như Mỹ, châu Âu đang có xu hướng siết chặt quy định bằng các rào cản thuế quan thương mại nhằm bảo hộ nền sản xuất trong nước. Điều này đặt ra thách thức giảm giá vốn và nâng cao chất lượng sản phẩm với các doanh nghiệp dệt may nói chung và TDT nói riêng.

Cạnh tranh với các nước xuất khẩu khác. Việt Nam vẫn phải tiếp tục hoàn thiện để duy trì cạnh tranh với các nước xuất khẩu như: Bangladesh, Sri Lanka, Myanmar và Campuchia, v.v.

A6. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY TRONG NGÀNH



Công ty cổ phần đầu tư và phát triển TDT nhận thức được tầm quan trọng của tinh thần hợp tác để cùng phát triển và đặt ra mục tiêu đưa TDT không chỉ là đối tác mà còn trở thành người bạn song hành, gắn bó cùng với khách hàng, nhà đầu tư và người lao động. TDT trao gửi niềm tin, uy tín và chất lượng tới nhà đầu tư. Từng bước xây dựng nền móng, góp phần đưa ngành dệt may bay cao, bay xa và xây dựng nền tảng vững chắc cho các thế hệ tương lai.

TDT hướng đến đích đến trở thành một thương hiệu uy tín và chất lượng trên thị trường dệt may quốc tế bằng nền móng của sự đoàn kết để cùng phát triển. Đối với TDT, chất lượng chính là thương hiệu, uy tín là tài sản, sự hài lòng của khách hàng là lợi nhuận, là kim chỉ nam cho định hướng phát triển lâu dài và bền vững của doanh nghiệp. Công ty đặt quyết tâm trở thành thương hiệu lớn và uy tín trên thị trường dệt may Việt Nam và quốc tế.

Trong năm 2020, Công ty đã vinh dự nhận được các giải thưởng, thương hiệu cao quý sau:

- Đơn vị xuất sắc trong phong trào “ Xanh – Sạch – Đẹp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động” năm 2020 do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam trao tặng
- Ngày 26 tháng 2 năm 2020, Đơn vị được Chủ tịch UBND tỉnh TN khen tặng đơn vị có nhiều thành tích trong hoạt động sản xuất kinh doanh góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thái Nguyên.

A7. CÁC RỦI RO

RỦI RO CHIẾN LƯỢC & TÀI CHÍNH



Rủi ro từ diễn biến của dịch bệnh Covid - 19

Trong năm 2020, khi dịch bệnh lan ra trên toàn thế giới, một loạt các cửa hàng thời trang lớn trên thế giới lẫn địa phương đều rơi vào tình trạng đóng cửa do giới nghiêm toàn quốc/ toàn thành phố hoặc cách ly xã hội khiến tình hình tiêu thụ các sản phẩm may mặc trở nên đình trệ. Trong tình trạng đó, rất nhiều các doanh nghiệp Mỹ và EU đã thông báo ngưng nhận đơn hàng trong thời gian sắp tới. Rủi ro dịch bệnh tiếp tục diễn biến phức tạp trong năm 2021 hoàn toàn có thể xảy ra và điều này sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến tốc độ hồi phục của ngành Dệt may. Có thể thấy các doanh nghiệp dệt may, đặc biệt các doanh nghiệp có doanh thu chính từ hoạt động xuất khẩu, bao gồm cả TDT đã phải đứng trước khó khăn liên tiếp từ những rủi ro bất ổn của thị trường nguyên liệu và tiêu thụ trên thế giới

Rủi ro về sức ép cạnh tranh

Đối với TDT, sức ép cạnh tranh không chỉ đến từ các thị trường mới nổi mà còn đến từ các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực sản xuất may mặc trong nước.

Là một thương hiệu nhỏ trong ngành dệt may, TDT chịu rất nhiều sức ép cạnh tranh từ các doanh nghiệp lớn trên thị trường. Bên cạnh đó, Việt Nam lại đối mặt với những khó khăn nhất là ở khâu đơn giá, vì hiện nhiều khu vực thị trường đang có xu hướng giảm sẽ tác động đến dệt may Việt Nam trong thời gian tới. Bên cạnh đó, thị trường dệt may thế giới được dự báo sẽ cạnh tranh ngày càng khốc liệt, không chỉ Trung Quốc mà nhiều nước khác như Myanmar, Campuchia... làm gia tăng áp lực lên thị phần với Việt Nam tại những khu vực lớn.

Để giảm thiểu rủi ro này, TDT đang và sẽ tập trung phát triển mô hình FOB, giúp định hình chỗ đứng của doanh nghiệp trên thị trường may mặc Việt Nam và thế giới

Rủi ro tỷ giá

Trong năm 2020, mặc dù nền kinh tế thế giới có nhiều biến động mạnh, tỷ giá đồng USD/VND khá ổn định khi đồng Việt Nam vẫn được neo với đồng USD. Tuy nhiên, với hơn 90% doanh thu là xuất khẩu cùng với phần lớn nguyên vật liệu nhập khẩu từ Trung Quốc nên hoạt động kinh doanh TDT chịu ảnh hưởng lớn bởi việc biến động của tỷ giá.

A7. CÁC RỦI RO

Rủi ro quản trị doanh nghiệp và trách nhiệm với khách hàng

Theo đánh giá của chúng tôi, rủi ro quản trị của TDT là không lớn do tầm nhìn và kinh nghiệm của hội đồng quản trị, ban giám đốc trong quản lý doanh nghiệp và lĩnh vực dệt may, gia công xuất khẩu.

Việc xâm nhập vào các thị trường xuất khẩu chính như EU và Mỹ của các sản phẩm dệt may vẫn còn nhiều rủi ro do sự cạnh tranh của sản phẩm cùng loại, sự thay đổi hành vi người tiêu dùng, đặc biệt là các rào cản kỹ thuật và rào cản thương mại đang có xu hướng được các quốc gia nhập khẩu áp dụng một cách chặt chẽ hơn. Đặc biệt, các bất ổn địa chính trị, chiến tranh thương mại sẽ khiến các xu hướng bảo hộ sản xuất này diễn ra trong thời gian dài. Để hạn chế ảnh hưởng của rủi ro này, TDT cần tiếp tục hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm và quy trình sản xuất nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm và thương hiệu của TDT trên thị trường.

Rủi ro nguyên vật liệu

Thị trường dệt may Việt Nam vốn phụ thuộc rất lớn vào nguồn nguyên liệu từ nước ngoài do sự phát triển không đồng đều giữa may mặc với ngành dệt. Phụ thuộc nguyên liệu nhập khẩu và chủ yếu may gia công - đó là thách thức lớn nhất đối với ngành dệt may khi tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Để giảm thiểu và giải quyết được rủi ro nguyên vật liệu, các DN trong nước cần kết nối với nhau, đặc biệt DN nhỏ và vừa nên tìm kiếm, ký hợp đồng với các DN lớn để có thể chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm từ DN lớn. Điều này là rất cần thiết khi tham gia sản phẩm toàn cầu.

Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán

Khi công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán công ty không chỉ chịu ảnh hưởng bởi kết quả sản xuất kinh doanh mà còn chịu ảnh hưởng bởi những biến động chung của thị trường, cung cầu tài sản tài chính, những thay đổi trong chính sách điều hành của các cơ quan nhà nước có liên quan. Trong giai đoạn đầu năm 2020, thị trường chứng khoán đã chứng khoán sự giảm điểm đáng kể do tâm lý lo ngại của các nhà đầu tư đối với tình hình dịch bệnh và kinh tế thế giới. Để hạn chế những rủi ro này, Công ty cần thực hiện tốt các nghĩa vụ về minh bạch thông tin, quan hệ nhà đầu tư và các quy định có liên quan.

Rủi ro an toàn sức khỏe

Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và những ảnh hưởng đến sức khỏe trong quá trình làm việc là vấn đề nghiêm trọng đối với mọi doanh nghiệp và ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống người lao động. Tuy nhiên đây là vấn đề mà mỗi công ty cần đổi mới để cải tiến. Trong một số nhà máy sản xuất và vị trí làm việc, nguy cơ xảy ra và tác động là cao hơn hẳn và tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động. Để tăng cường các giải pháp hạn chế rủi ro, TDT đã trang bị cơ sở vật chất, thiết bị, bảo hộ lao động, chế độ kiểm định đầy đủ và an toàn. Thường xuyên tổ chức đào tạo, diễn tập các tình huống khẩn cấp cho người lao động. Ban hành các nội quy, chế độ giám sát và chế tài xử lý để thúc đẩy việc tuân thủ toàn diện.



RỦI RO HOẠT ĐỘNG



B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2020

B1. Thông tin ngành	38
B2. Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch	38
B3. Kết quả kinh doanh qua các năm	39
B4. Tổ chức và nhân sự	42
B5. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án	43
B6. Tình hình tài chính	44
B7. Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	46

B1. THÔNG TIN NGÀNH

Trong năm 2020, tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam đạt 282,65 tỷ USD, tăng trưởng 7% so với năm 2019. Trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, nền kinh tế thế giới bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid – 19, kết quả trên được coi là một điểm sáng. Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất Việt Nam. Đáng chú ý, hàng dệt may tiếp tục là một trong những mặt hàng có giá trị xuất khẩu cao, với kim ngạch năm 2020 đạt 35 tỷ USD, giảm 10% so với năm 2019. Năm 2020 có thể coi là một năm khó khăn đối với các doanh nghiệp ngành Dệt may khi vừa gặp phải vấn đề đứt gãy chuỗi cung ứng nguyên vật liệu

vừa ghi nhận đơn hàng sụt giảm nghiêm trọng do lệnh giãn cách xã hội và thói quen tiêu dùng thay đổi.

Trong năm 2021, Hiệp hội Dệt may cho rằng kim ngạch xuất khẩu của ngành Dệt may tăng trưởng 10%, quay trở lại mức giá trị xuất khẩu trước dịch. Đồng thời, các yếu tố hỗ trợ của ngành Dệt may Việt Nam tiếp tục được duy trì: lợi thế cạnh tranh về chi phí nhân công và ưu đãi đầu tư của Chính phủ đối với ngành; Việt Nam tham gia ngày càng sâu rộng vào các hiệp định thương mại tự do (CPTPP, EVFTA), trong đó dệt may được đánh giá là một trong số những ngành hưởng lợi nhiều nhất.

B2. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2020	TH năm 2020	TH 2020/KH 2020(%)
Tổng doanh thu	Triệu đồng	565,6	272,09	48,0
Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	58,2	18,27	31,4

Kết thúc năm 2020, doanh nghiệp không hoàn thành kế hoạch đề ra do dịch bệnh Covid – 19 ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh. Doanh thu thuần năm 2020 của doanh nghiệp đạt 270,82 tỷ đồng, hoàn thành 48% kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 18,27 tỷ đồng, hoàn thành 31,4% kế hoạch đề ra. Các đơn hàng của TDT vẫn tập trung tham gia vào công đoạn sản xuất, chủ yếu các đơn hàng theo phương thức CMT và FOB. Trong năm 2020, tuy giá trị đơn hàng theo phương thức CMT và FOB đều bị suy giảm nhưng đơn hàng CMT giảm ít hơn khiến tỷ trọng doanh thu theo phương thức CMT tăng lên.

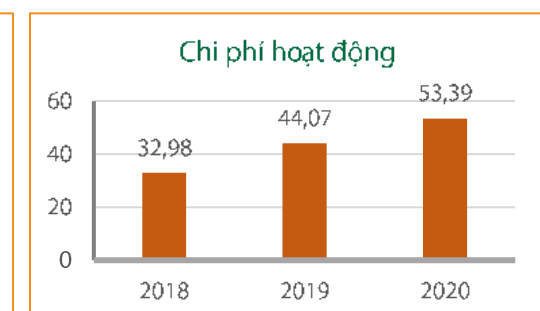
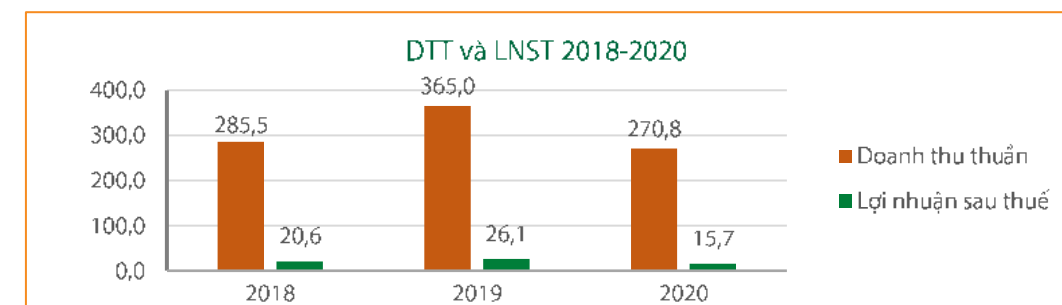
Trong dài hạn, định hướng của công ty vẫn sẽ tăng tỷ trọng các đơn hàng theo phương thức FOB. Đối với các đơn hàng CMT, thông thường đơn giá gia công CMT là 25% giá trị xuất khẩu và lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp gia công chỉ đạt 1-3% đơn giá gia công.

Đối với đơn hàng FOB, các doanh nghiệp chịu trách nhiệm nhập khẩu nguyên vật liệu và sản xuất đơn hàng, doanh nghiệp được hưởng khoảng 30% giá trị xuất khẩu và lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 3 - 5% doanh thu thuần. Do đó, việc tăng các đơn hàng FOB sẽ giúp tăng lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp. Ngoài ra, với cùng như các doanh nghiệp trong ngành may mặc, chi phí chủ yếu của TDT tập trung vào giá vốn hàng bán và chi phí lao động.

B3. KẾT QUẢ KINH DOANH QUA CÁC NĂM

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	285,54	365,00	270,82
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	224,81	284,52	195,02
Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	32,98	44,07	53,38
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	22,55	31,54	18,27
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	20,63	26,15	15,71

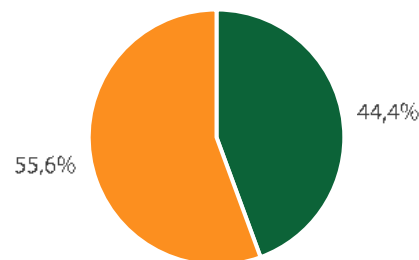
Do hoạt động kinh doanh chính là xuất khẩu hàng may mặc – đây là mặt hàng bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch bệnh Covid – 19, kết quả kinh doanh năm 2020 giảm sút so với năm 2019. Doanh thu thuần của công ty đạt 270,82 tỷ đồng, giảm 26.04% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 15,71 tỷ đồng, giảm 39.9% so với cùng kỳ năm 2019. Trong năm 2020, chi phí nhân công trong chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng mạnh với mức tăng là 24.5% cũng khiến lợi nhuận giảm nhiều hơn doanh thu. Năm 2021 được kỳ vọng việc xuất khẩu dệt may sẽ phục hồi khi cuộc sống trở lại bình thường (do các quốc gia đã có kinh nghiệm đối phó với dịch bệnh và việc tiêm vắc – xin đang được triển khai nhanh chóng), nhu cầu mua sắm của người dân sau một năm bị kìm nén sẽ tăng trưởng trở lại. Đồng thời, công ty tiếp tục tiến hành các dự án mở rộng quy mô sản xuất đã bị trì hoãn trong năm 2020.



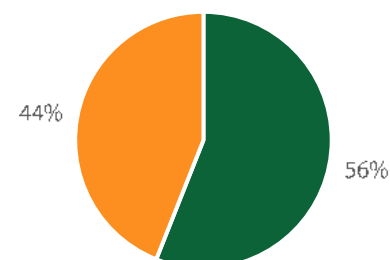
B3. KẾT QUẢ KINH DOANH QUA CÁC NĂM

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Tỷ trọng	Năm 2019	Tỷ trọng	Năm 2020	Tỷ trọng	2020/2019
Doanh thu từ hoạt động gia công	Tỷ VNĐ	100,2	35%	162,76	44%	151,67	56%	93,2%
Doanh thu từ hoạt động sản xuất thành phẩm nguyên chiếc	Tỷ VNĐ	185,34	65%	203,36	56%	120,42	44%	59,2%
Tổng	Tỷ VNĐ	285,54	100%	365,00	100%	272,09	100%	74,3%

Cơ cấu doanh thu theo hoạt động 2019



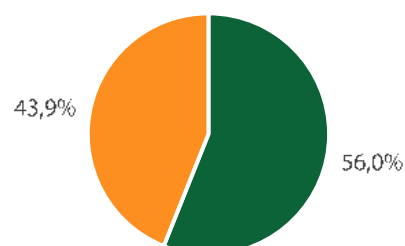
Cơ cấu doanh thu theo hoạt động 2020



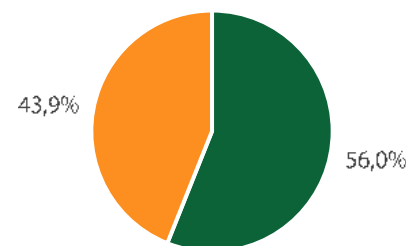
■ Hoạt động gia công ■ Sản xuất thành phẩm nguyên chiếc

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	Tỷ trọng	TH 2019	Tỷ trọng	TH 2020	Tỷ trọng	2020/2019
Lãi gộp hoạt động gia công	Tỷ VNĐ	16,33	27%	45,1	56%	42,35	56%	93,90%
Lãi gộp hoạt động sản xuất sản phẩm nguyên chiếc	Tỷ VNĐ	44,4	73%	35,37	44%	33,45	44%	94,57%
Tổng	Tỷ VNĐ	60,73	100%	80,48	100%	75,80	100%	94,19%

Cơ cấu lợi nhuận gộp 2019



Cơ cấu lợi nhuận gộp 2020

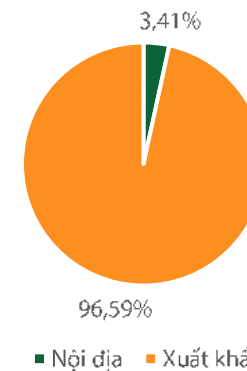


■ Hoạt động gia công ■ Sản xuất thành phẩm nguyên chiếc

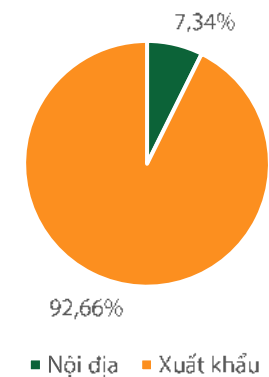
B3. KẾT QUẢ KINH DOANH QUA CÁC NĂM

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Tỷ trọng	Năm 2019	Tỷ trọng	Năm 2020	Tỷ trọng	2020/2019
Doanh thu thuần từ thị trường nội địa	Tỷ VNĐ	21,26	7,5%	12,48	3,4%	19,97	7,4%	160,0%
Doanh thu thuần từ thị trường xuất khẩu	Tỷ VNĐ	264,28	92,5%	353,65	96,6%	252,12	92,6%	71,3%
Doanh thu thuần	Tỷ VNĐ	285,54	100%	365,00	100%	272,09	100%	73,96%

Cơ cấu doanh thu theo thị trường 2019



Cơ cấu doanh thu theo thị trường 2020

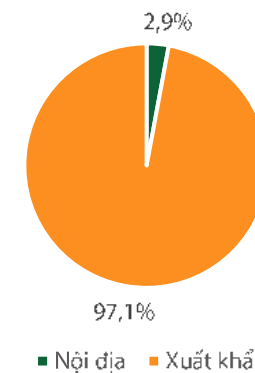


■ Nội địa ■ Xuất khẩu

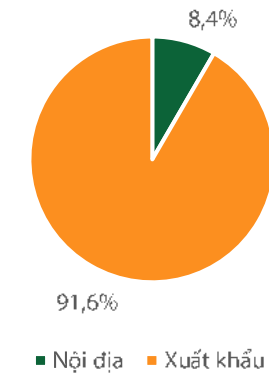
■ Nội địa ■ Xuất khẩu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Tỷ trọng	Năm 2019	Tỷ trọng	Năm 2020	Tỷ trọng	2020/2019
Lãi gộp từ thị trường nội địa	Tỷ VNĐ	3,5	6%	2,38	3%	6,46	8,4%	274,42%
Lãi gộp từ thị trường xuất khẩu	Tỷ VNĐ	57,23	94%	79,26	97%	70,63	91,6%	89,11%
Tổng	Tỷ VNĐ	60,73	100%	80,48	100%	75,80	100%	92,84%

Cơ cấu lợi nhuận gộp theo thị trường 2019



Cơ cấu lãi gộp theo thị trường năm 2020



■ Nội địa ■ Xuất khẩu

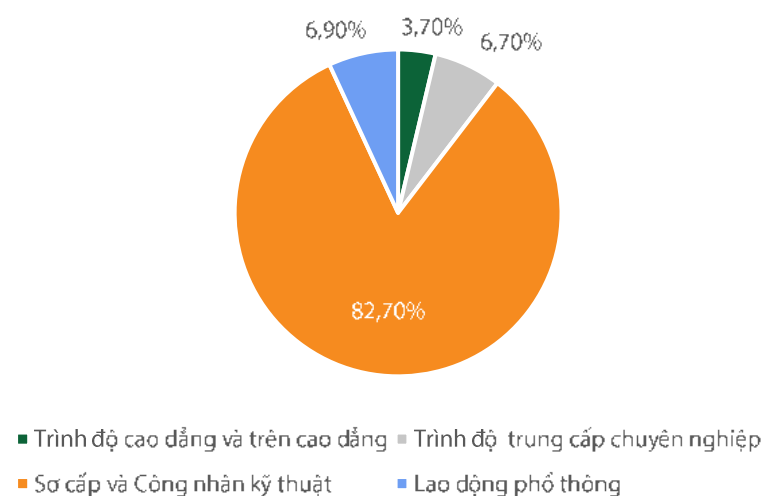
■ Nội địa ■ Xuất khẩu

B4. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thống kê lao động

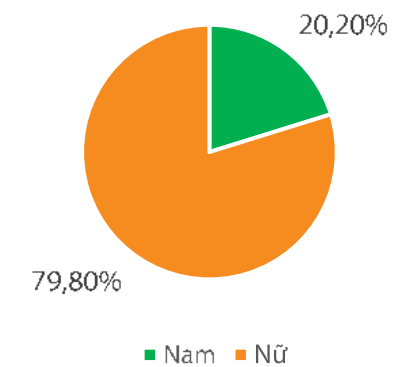
STT	Tiêu chí	Số lượng 2019 (người)	Số lượng 2020 (người)	Tỷ trọng 2020
I Theo trình độ lao động				
1	Cao đẳng và Đại học	54	68	3,7%
2	Trung cấp chuyên nghiệp	78	122	6,7%
3	Sơ cấp nghề	1.415	1.538	82,7%
4	Lao động phổ thông	362	130	6,9%
II Theo đối tượng lao động				
1	Khởi trực tiếp	1.359	1.363	73,4%
2	Khởi gián tiếp và phụ trợ	550	495	26,6%
III Theo giới tính				
1	Nam	390	376	20,2%
2	Nữ	1519	1.482	79,8%
IV Theo độ tuổi				
1	Dưới 25	1011	651	35,0%
2	Từ 31 đến 40	804	963	51,8%
3	Trên 40 tuổi	94	244	13,2%
V Theo thời gian làm việc tại công ty				
1	Dưới 1 năm	593	153	8,2%
2	Từ 1 đến 3 năm	1250	1.613	86,9%
3	Không xác định thời hạn	66	92	4,9%
Tổng cộng		1.909	1.858	

Cơ cấu lao động theo trình độ 2020



B4. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Cơ cấu lao động theo giới tính



Một số thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Thường tiền lương tháng thứ 13. Thường thâm niên công tác và thưởng Tết Nguyên đán.
- Người lao động được tuyển dụng tại Công ty được tham gia đóng Bảo hiểm xã hội, Y tế, thất nghiệp đầy đủ theo quy định của nhà nước và được bảo lưu mức đóng Bảo hiểm theo bậc thợ của từng cá nhân nếu đã tham gia đóng BHXH từ trước.
- Được hưởng các khoản phúc lợi khác theo quy định như: Tham quan, nghỉ mát, học tập....

B5. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

- Các khoản đầu tư lớn trong năm
XN May TDT Điểm Thụy: Đầu tư 04 hệ thống máy trải vải tự động và hệ thống giá kệ khép kín theo tiêu chuẩn của Gap và Target
- Các công ty con, công ty liên kết
(Không có)

B6. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	2020/2019
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	340,83	394,73	115,81%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	365,00	270,82	74,2%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	30,77	16,92	54,98%
5	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0,77	1,35	175,32%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	31,54	18,27	57,92%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	26,15	15,71	60,07%

Năm 2020, các chỉ tiêu tài chính đều ghi nhận mức sụt giảm so với năm 2019. Trong đó một số chỉ tiêu đáng chú ý là: Lợi nhuận sau thuế đạt gần 16 tỷ đồng, bằng 60% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt gần 17 tỷ đồng, bằng 55% so với cùng kỳ năm 2019. Lợi nhuận khác đạt hơn 1 tỷ đồng, bằng 175% so với cùng kỳ năm 2019.

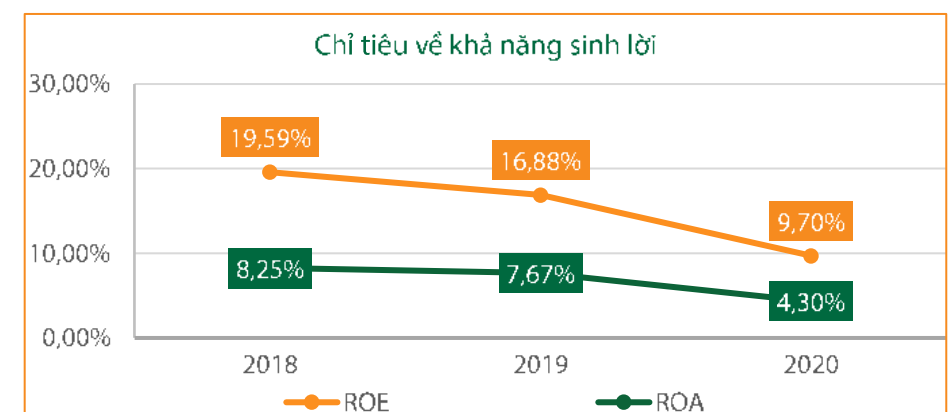
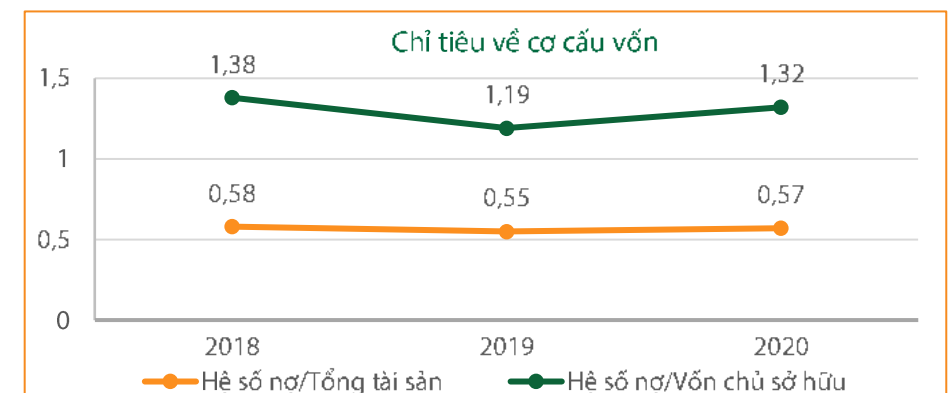
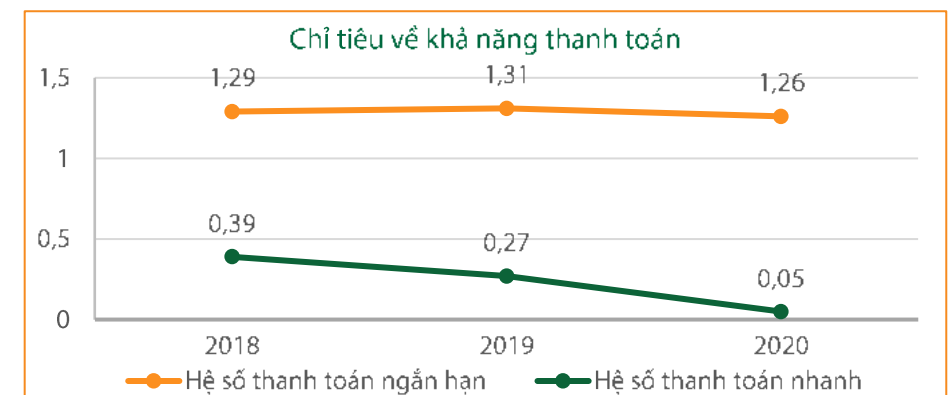
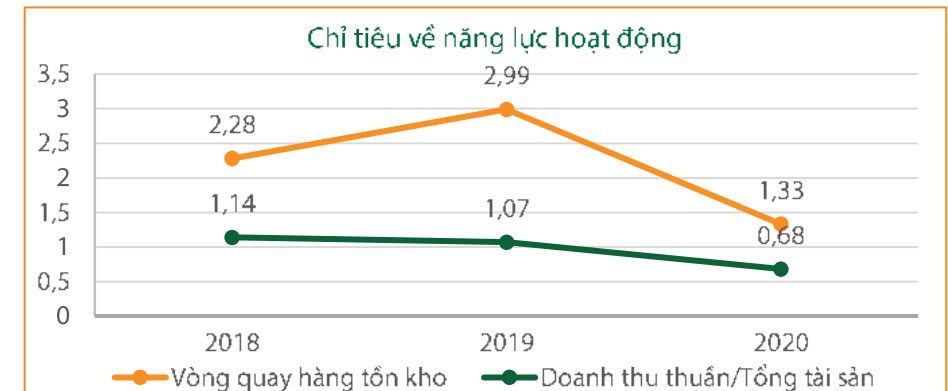
Nhìn chung, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh là nguồn thu chính, chiếm gần như toàn bộ lợi nhuận của Công ty. Điều này hoàn toàn phù hợp với định hướng kinh doanh là tập trung toàn bộ nguồn lực để phát triển ngành nghề kinh doanh chính, sản xuất và kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu

Nguyên nhân doanh thu và lợi nhuận giảm mạnh trong năm 2020 do:

- Dịch bệnh Covid - 19 diễn biến bất ngờ khiến các khách hàng hoãn/ hủy đơn hàng khi nhu cầu mua sắm quần áo giảm sút
- Chuỗi cung ứng nguyên vật liệu bị đứt gãy trong nửa đầu năm 2020 gây khó khăn trong việc đáp ứng đơn hàng

Các chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	2020/2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,31	1,26	96,18%
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,27	0,05	18,51%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	lần	0,55	0,57	103,63%
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	1,19	1,32	110,92%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	lần	2,99	1,33	44,48%
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	1,07	0,68	63,55%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	7,17%	5,80%	80,89%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	16,88%	9,70%	57,46%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	7,67%	4,30%	56,06%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	8,43%	6,20%	73,54%

B6. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



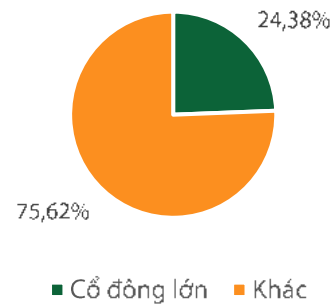
B7. CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông

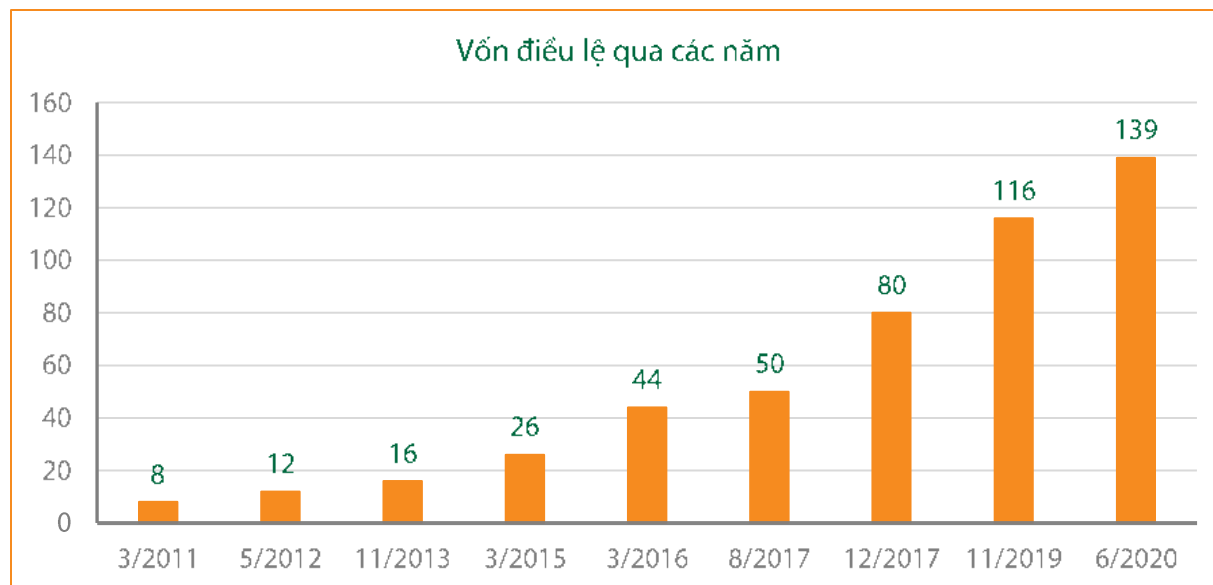
Tính đến hết ngày 31/12/2020, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TĐT đã phát hành 13.946.144 cổ phiếu. Trong đó:

- Số cổ phổ thông: 13.946.144 cổ phiếu.
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phần đang lưu hành: 13.946.144 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10,000 đồng

Cơ cấu cổ đông



Quá trình tăng vốn điều lệ



Cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ
1	Ông Chu Thuyên	2.201.000	15,78%
2	Ông Nguyễn Việt Thắng	1.200.000	8,6%
	Tổng cộng	3.401.000	24,38%

B7. CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

1 Năm; Giá và Khối lượng





C. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

C1. Đánh giá tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh	50
C2. Tình hình tài chính	52
C3. Định hướng phát triển trong tương lai	54

C1. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Danh sách của Ban giám đốc

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Nguyễn Việt Thắng	Tổng Giám đốc	1.200.000	8,60

Đánh giá chung hoạt động sản xuất kinh doanh



Bám sát chiến lược phát triển mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đề ra, trong năm 2020, trước ảnh hưởng lớn dưới tác động của dịch Covid-19, chủ nghĩa bảo hộ và chiến tranh thương mại tiếp diễn, Ban Giám đốc nỗ lực hết mình giúp công ty vượt qua khó khăn chung của toàn nền kinh tế nói chung đặc biệt là ngành dệt may nói riêng. Cụ thể tình hình thực hiện kế hoạch năm 2020 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2019	TH 2020	KH 2020	TH 2020/TH 2019	TH 2020/KH 2020
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	365,00	270,82	565,6	74,2%	47,9%
LNTT	Tỷ đồng	31,54	18,27	58,2	58,0%	31,4%
LNST	Tỷ đồng	26,15	15,71		60,07%	
ROE	%	16,87%	9,24%			

C1. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thuận lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Việt Nam tiếp tục đứng trong top 3 nước có kim ngạch xuất khẩu dệt may lớn nhất thế giới với tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may đạt khoảng 35 tỷ USD, giảm 10% so với cùng kỳ năm 2019.

Ngành dệt may kỳ vọng được hưởng một số lợi ích từ các hiệp định thương mại tự do như EVFTA, CPTPP, chiến tranh thương mại Mỹ Trung và nhận được sự quan tâm từ phía các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2020, do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid – 19, ngành Dệt may Việt Nam gặp nhiều nhiều khó khăn và thách thức: (i) Đứt gãy chuỗi cung ứng nguyên vật liệu (ii) Đơn hàng sụt giảm nghiêm trọng khi lệch giãn cách xã hội và thói quen tiêu dùng thay đổi.

Doanh nghiệp trong nước phải cạnh tranh với các nước như: Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh... và nhiều nước tập trung hỗ trợ ngành dệt may. Đáng chú ý, có cả những quốc gia mới nổi ở khu vực châu Phi khiến số lượng nhà sản xuất tăng mạnh, đơn hàng bị san sẻ và chuyển dịch sang nước khác.

Thách thức lớn nhất của ngành là việc nhập khẩu trên 50% nguyên phụ liệu từ nước ngoài. Trong khi đó, các hiệp định thương mại tự do như EVFTA, CPTPP yêu cầu phải đảm bảo qui tắc xuất xứ. Theo số liệu của VITAS, nhập khẩu nguyên phụ liệu năm 2020 giảm 14% đạt 19.2 tỉ USD. Trong đó, Việt Nam nhập khẩu tới 80% vải cho xuất khẩu khẩu. Về nguồn gốc, vải nhập về chiếm hơn một nửa từ Trung Quốc trong khi nước này không thuộc nhóm nước EVFTA hay CPTPP nên doanh nghiệp không đạt được qui tắc xuất xứ.

Thị trường sợi cũng gặp nhiều khó khăn bởi sự cạnh tranh về đơn hàng từ các doanh nghiệp sợi có vốn đầu tư nước ngoài cũng như cạnh tranh từ các quốc gia khác như: Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia, Pakistan... ngày càng gay gắt.

Về phía TDT, năm 2020, công ty đối mặt với một số khó khăn như: đơn hàng sụt giảm vì Covid – 19, xuất nhập khẩu vận tải, bảo hiểm xã hội trong khi vẫn phải đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động. Thêm nữa, số lượng mỗi đơn hàng nhỏ đi, khách hàng không đặt hàng dài hạn 3 - 6 tháng như trước và tình hình trở nên khó đoán hơn trước.

C2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2019	2020
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	131,5	176,57	201,55	220,14
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	77,68	73,61	139,29	174,59
Tổng Tài sản	Tỷ đồng	209,18	250,18	340,83	394,73
Tỷ trọng Tài sản ngắn hạn	%	62,87%	70,58%	59,14%	55,77%
Tỷ trọng Tài sản dài hạn	%	37,13%	29,42%	40,86%	44,23%
Tốc độ tăng tài sản	%	49,45%	34,27%	36,23%	15,8%

Tại 31/12/2020, quy mô tổng tài sản của công ty đạt 394,73 tỷ đồng, tăng 15,8% so với năm 2019. Trong giai đoạn 2017-2020, tổng tài sản của công ty liên tục tăng qua các năm với tốc độ trung bình 23,57%/năm, do công ty đang trong giai đoạn mở rộng năng lực sản xuất qua việc xây dựng các nhà máy mới, nâng cấp các dây chuyền máy móc đồng thời tích cực tăng doanh thu hoạt động sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, phát triển khách hàng mới. Điều này dẫn tới sự dịch chuyển trong cơ cấu tổng tài sản; tỷ trọng của tài sản ngắn hạn giảm, đồng thời tỷ trọng của tài sản dài hạn tăng. Năm 2019, tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm 59,14% tổng tài sản, sang 2020 chỉ còn chiếm 55,77%. Trong đó, hàng tồn kho là loại tài sản chiếm tỷ trọng lớn nhất, tiếp đến là các khoản phải thu. Nguyên nhân của hiện tượng này là do tính chất mùa vụ của các đơn hàng may mặc xuất khẩu, tập trung sản xuất vào những quý cuối năm; lượng hàng tồn kho lớn do công ty chưa tiến hành bàn giao với khách hàng. Khách hàng của công ty phần lớn đều là những khách hàng lớn, có quan hệ hợp tác lâu dài nên công ty không gặp vấn đề rủi ro phát sinh các khoản nợ khó thu hồi.

Tài sản ngắn hạn	Đơn vị	Năm 2018	Tỷ trọng	Năm 2019	Tỷ trọng	Năm 2020	Tỷ trọng
Tiền và các khoản tương đương tiền	Tỷ VNĐ	14,46	8,19%	41,15	20,42%	8,75	3,97%
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ VNĐ	35,28	19,98%	34,54	17,14%	32,74	14,87%
Hàng tồn kho	Tỷ VNĐ	123,13	69,74%	120,92	60,00%	174,0	79,07%
Các Tài sản ngắn hạn khác	Tỷ VNĐ	3,69	2,09%	4,94	2,45%	4,59	2,08%
Tổng	Tỷ VNĐ	176,57	100%	201,55	100%	220,14	100%

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2019	2020
Nợ phải trả	Tỷ VNĐ	114,87	144,85	185,81	181,71
Nguồn vốn Chủ sở hữu	Tỷ VNĐ	94,31	105,33	155,02	169,96
Tổng Nguồn vốn	Tỷ VNĐ	209,18	250,18	340,83	394,73
Tỷ trọng Nợ phải trả	%	54,91%	57,90%	54,52%	46,03%
Tỷ trọng Nguồn vốn Chủ sở hữu	%	45,09%	42,10%	45,48%	53,97%
Tốc độ tăng VCSH	%	20,58%	19,60%	47,18%	9,6%

Trong giai đoạn 2016-2020 công ty đã trải qua 5 đợt tăng vốn điều lệ, một đợt năm 2016, hai đợt năm 2017, một đợt năm 2019 và 1 đợt năm 2020. Vốn chủ sở hữu tính đến cuối năm 2020 đạt 169,96 tỷ đồng, gấp hơn ba lần so với năm 2016. Do vốn chủ sở hữu tăng nhanh hơn tốc độ tăng của nợ vay, nên cơ cấu vốn có sự thay đổi. Hiện tại, nợ phải trả của công ty đã thấp hơn vốn chủ sở hữu. Việc tăng cường sử dụng vốn chủ sở hữu thay vì vốn vay là một trong những chủ trương đúng đắn của Ban lãnh đạo công ty trước tình hình thị trường tài chính đang có những biến động mạnh, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Dùng nhiều vốn tự chủ trong giai đoạn này sẽ giúp tăng tăng khả năng thanh toán và tỷ lệ an toàn tài chính của công ty. Đồng thời, hoạt động của công ty sẽ giảm bớt sự phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài.

C3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY TRONG TƯƠNG LAI



Trong giai đoạn 05 năm tới, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT sẽ tiếp tục tập trung và phát triển mảng hoạt động chính mà mình có thế mạnh là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, trong đó cụ thể:

- Tiếp tục phát triển mở rộng hệ thống nhà máy vệ tinh.
- Nâng cao trình độ thiết kế, phát triển mẫu, khả năng tìm nguồn nguyên phụ liệu, kỹ năng đàm phán.
- Đầu tư công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại, quy trình quản lý sản xuất tinh gọn để đạt được tăng trưởng đột phá về năng suất lao động.
- Tăng dần tỷ trọng nhóm hàng FOB có tỷ suất lợi nhuận cao.
- Tích cực tìm kiếm khách hàng tại các thị trường thuộc khuôn khổ các hiệp định tự do thương mại mà Việt Nam là thành viên như CPTPP, EVFTA.

- Mở văn phòng đại diện tại các thành phố lớn trong cả nước và thị trường xuất khẩu lớn như Hoa Kỳ/EU/Nhật Bản nhằm đẩy mạnh công tác sales/marketing, tiếp cận và làm việc trực tiếp với các khách hàng bán lẻ tại các thị trường này nhằm gia tăng tỷ suất lợi nhuận.

Định hướng phát triển của Công ty là hoàn toàn phù hợp và sẽ tận dụng được tối đa những ưu đãi của Chính phủ đối với ngành may mặc. Trong đó, đáng chú ý nhất là việc Công ty sẽ tăng dần tỷ trọng nhóm hàng gia công có tỷ suất lợi nhuận cao (từ CMT sang FOB và tiến tới là ODM, OBM). Như đã phân tích ở trên, đây là một xu hướng phát triển tất yếu không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới của các công ty may mặc khi đã đạt đến một mức độ phát triển nhất định, và với TDT, đây chính xác là thời điểm vàng để bắt đầu quá trình chuyển đổi. Ở TDT hiện đã hội tụ đầy đủ các yếu tố về mặt con người (đội ngũ quản lý kinh nghiệm và lao động

tay nghề cao), máy móc công nghệ (các thiết bị và công nghệ sản xuất đều thuộc hàng tiên tiến nhất trong ngành may mặc tại Việt Nam), nguồn vốn, và lại ở trong giai đoạn đầu của kế hoạch phát triển ngành may mặc với nhiều ưu đãi từ phía cơ quan chủ quản. Không chỉ có vậy, trên bình diện khu vực và quốc tế, một loạt các hiệp định thương mại chuẩn bị có hiệu lực như Hiệp định Đối tác Toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam EU (có hiệu lực từ năm 2018) sẽ mở toang cánh cửa vào một loạt các thị trường đầy tiềm năng với mức thuế suất vô cùng ưu đãi. Do đó, có thể khẳng định, với kế hoạch 05 năm đã được đề ra cùng tầm nhìn chiến lược của ban điều hành Công ty, triển vọng phát triển trong thời gian tới của TDT là vô cùng tích cực.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Chỉ tiêu	KH 2021	TH 2020	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (tỷ đồng)	475,57	272,09	175%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	41,50	18,27	227%
Cổ tức (%)	10-15%	15%	

... VÀ VỚI TDT, ĐÂY CHÍNH XÁC LÀ THỜI ĐIỂM VÀNG ĐỂ BẮT ĐẦU QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI. Ở TDT HIỆN ĐÃ HỘI TỤ ĐỦ CÁC YẾU TỐ VỀ MẶT CON NGƯỜI, MÁY MÓC CÔNG NGHỆ, NGUỒN VỐN...



D. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

D1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh TDT năm 2020	58
D2. Kết quả thực hiện các định hướng chiến lược đề ra	58
D3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc	59
D4. Hoạt động của HĐQT năm 2020	60
D5. Định hướng hoạt động năm 2021	62

D1. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã nỗ lực hết sức để thực hiện nhiệm vụ tại nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 giao phó. Trước sức ép lớn từ dịch bệnh, HĐQT đã đưa ra những chiến lược quan trọng về định hướng phát triển công ty, phát triển nguồn nhân lực, định hướng khách hàng, mặt hàng giúp công ty vượt qua giai đoạn khó khăn. Đặc biệt HĐQT trong năm 2020 đã chỉ đạo thành công 03 việc. Một là phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông hiện hữu. Hai là trước tình hình đại dịch covid-19 hết sức khó khăn, HĐQT đã rất linh hoạt trong công tác sản xuất giúp CBCNV lao động không phải nghỉ dẫn việc, đồng thời chỉ đạo và giám sát Ban TGD duy trì các chế độ, chính sách tiền lương, tiền thưởng, tháng lương thứ 13,...cho người lao động. Từ đó bình ổn được số lượng lao động của Công ty.



D2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC ĐỀ RA

Trong năm 2020, Công ty đã đạt được những kết quả như sau:

Hoàn thành các nội dung tại nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2020 giao phó.

Thực hiện thành công phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu.

Định hướng đơn hàng và các chế độ chính sách tiền lương, phúc lợi cho CBCNV.

D3. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc thông qua việc:

- Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng trong năm mà Tổng giám đốc và những người điều hành khác đã cam kết;
- Yêu cầu Tổng giám đốc và các bộ phận thực thi luôn bám sát và báo cáo tình hình thực hiện, tiến độ triển khai các dự án, hạng mục công việc so với kế hoạch đã lập ra, và tiến độ triển khai các kế hoạch tiếp theo, cụ thể là tiến độ triển khai thực hiện dự án mở rộng nhà máy may TDT Thịnh Đức, TDT Điểm Thụy và TDT Đại Từ;
- Yêu cầu Tổng giám đốc và người điều hành khác thực hiện báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình hoạt động trong các cuộc họp định kỳ hàng quý của Hội đồng quản trị;

- Phối hợp với Ban Kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Tổng giám đốc và người điều hành khác hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao;
- Tích cực tham gia vào các buổi họp các buổi họp định kỳ khác của Ban Tổng giám đốc nhằm theo sát các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đánh giá chung

- Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban TGD trong việc thực hiện định hướng chiến lược của Công ty.
- Trong quá trình hoạt động, Ban TGD đã tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2020	Tỷ lệ (%)	Thực hiện 2019	Tỷ lệ (%)
Doanh thu	Tỷ đồng	272,09	565,6	47,9%	365,00	74,2%
LN trước thuế	Tỷ đồng	18,27	58,2	31,4%	31,54	58,0%
LN sau thuế	Tỷ đồng	15,7			26,15	60,1%
Cổ tức	%	15%	10-20%		15%	

D4. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

Danh sách của Ban giám đốc

Đầu năm 2020, số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TĐT nhiệm kỳ 2018-2023 là 07 thành viên, trong đó có 04 thành viên Hội đồng quản trị điều hành và 03 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Tháng 06 năm 2020, Ông Đặng Đình Vụ - TV. HĐQT/ Phó TGĐ Công ty có đơn xin từ nhiệm. Đến cuối năm 2020, HĐQT công ty gồm các thành viên sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Chu Thuyên	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Việt Thắng	Phó chủ tịch HĐQT/TGĐ
3	Phạm Thái Hòa	Thành viên
4	Dương Ngọc Hải	Thành viên độc lập
5	Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên độc lập
6	Phan Mạnh Hà	Thành viên độc lập

Về tổ chức các cuộc họp HĐQT

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp đều đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên tham dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo đúng quy định của Điều lệ.

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI DỰ HỌP	TỶ LỆ THAM DỰ
1	Chu Thuyên	Chủ tịch HĐQT	6	100%
2	Nguyễn Việt Thắng	Phó chủ tịch HĐQT/TGĐ	6	100%
3	Phạm Thái Hòa	Thành viên	6	100%
4	Dương Ngọc Hải	Thành viên độc lập	5	83%
5	Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên độc lập	6	100%
6	Phan Mạnh Hà	Thành viên độc lập	6	100%

D4. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành trong năm

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY THÁNG	NỘI DUNG
1	01/2020/NQ-HĐQT	20/01/2020	<ol style="list-style-type: none"> Tăng vốn điều lệ từ 80.150.400.000 đồng lên 116.217.970.000 đồng Sửa đổi Khoản 1, Điều 6 của Điều lệ Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát Triển TĐT Thông qua việc hạn chế chuyển nhượng đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số lượng cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết phân phối cho các đối tượng khác. Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung và niêm yết bổ sung đối với 3.606.757 cổ phiếu đã chào bán cho cổ đông hiện hữu
2	01/2020/NQ-HĐQT	19/03/2020	<ol style="list-style-type: none"> Thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Chương trình (dự kiến) tại Đại hội cổ đông thường niên
3	02/2020/NQ-HĐQT	18/05/2020	<ol style="list-style-type: none"> Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu. Giao cho Chủ tịch HĐQT Công ty chỉ đạo các cá nhân và đơn vị có liên quan thực hiện các thủ tục tiếp theo đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty
4	03/2020/NQ-HĐQT	16/06/2020	<ol style="list-style-type: none"> Chấp thuận Đơn xin từ nhiệm của Ông Đặng Đình Vụ. Ông Đặng Đình Vụ thôi giữ chức vụ Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển TĐT kể từ ngày 18/06/2020
5	04/2020/NQ-HĐQT	18/09/2020	<ol style="list-style-type: none"> Thông qua việc Ông Chu Thuyên, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty, thôi kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc kể từ ngày 18 tháng 09 năm 2020. Bổ nhiệm Ông Nguyễn Việt Thắng, Phó Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc kể từ ngày 18 tháng 09 năm 2020.
6	05/2020/NQ-HĐQT	26/12/2020	Giao khoán kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 cho Ban Giám đốc Công ty.

Đánh giá chung hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực, tuân thủ các quy định chung đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, chỉ đạo kịp thời giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban TGĐ trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

D5. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị

Căn cứ vào ngân sách thù lao mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đã phê duyệt, thu nhập (bao gồm lương, thưởng và thù lao) đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong năm 2020 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)	Ghi chú
1	Chu Thuyên	Chủ tịch HĐQT/TGD	699.019.384	Thành viên điều hành
2	Nguyễn Việt Thắng	Phó chủ tịch HĐQT/TGD	496.469.546	Thành viên điều hành
3	Đặng Đình Vụ	UV HĐQT/PTGD	263.538.917	Thành viên điều hành
4	Phạm Thái Hòa	UV HĐQT/ Kế toán trưởng	308.576.671	Thành viên điều hành
5	Dương Ngọc Hải	UV HĐQT	50.000.000	Thành viên độc lập (bầu bổ sung ngày 20/05/2018)
6	Đỗ Mạnh Hùng	UV HĐQT	50.000.000	Thành viên độc lập (bầu bổ sung ngày 07/04/2019)
7	Phan Mạnh Hà	UV HĐQT	50.000.000	Thành viên độc lập (bầu bổ sung ngày 07/04/2019)
	Tổng cộng		1.917.604.518	

D5. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Mục tiêu và kế hoạch của năm 2021

Xây dựng Công ty Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển TĐT tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững và minh bạch bằng việc sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp; xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi; nắm bắt kịp thời xu thế phát triển của thế giới nói chung và ngành may mặc nói riêng; đầu tư sâu vào máy móc thiết bị công nghệ cao, các mặt hàng có giá trị gia tăng cao. Đồng thời, kiểm soát tối đa các rủi ro.

Trên cơ sở đó, Ban TGD đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2021 trình HĐQT như sau:

Chỉ tiêu	KH 2021	TH 2020	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (tỷ đồng)	475,57	272,09	175%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	41,50	18,27	227%
Cổ tức (%)	10-15%	15%	

Các giải pháp thực hiện:

- Triển khai thực hiện nhanh các dự án để đưa vào sản xuất kinh doanh trong thời gian ngắn nhất
- Sử dụng nguồn vốn của Công ty một cách hợp lý, mang lại hiệu quả đầu tư cao nhất
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí
- Nâng cao trình độ quản trị, năng lực quản lý của HĐQT, Ban TGD và cán bộ công nhân viên
- Định hướng lựa chọn khách hàng, đối tác, mặt hàng phù hợp với năng lực của Công ty và mang lại hiệu quả cao nhất.
- Tiếp tục đầu tư sâu vào công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại nhằm nâng cao năng suất lao động
- Xây dựng văn hóa, môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động; tiếp tục nâng cao thu nhập cho cán bộ quản lý và người lao động trong công ty.



E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

E1. Hội đồng quản trị	66
E2. Ban kiểm soát	66
E3. Tăng cường quản trị công ty	69

E1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020

Các nghị quyết của HĐQT năm 2020

(Thông tin đã nêu ở phần D. Báo cáo của Hội đồng quản trị)

E2. BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát

với HĐQT, Ban Tổng giám đốc

- Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã tổ chức họp phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, kiểm soát các mặt hoạt động của công ty, thống nhất kế hoạch kiểm soát năm 2020; Định kỳ hàng tháng, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát các mặt hoạt động, sản xuất kinh doanh của Chi nhánh, Xí nghiệp và toàn Công ty. Sau kiểm soát, Ban kiểm soát đều có biên bản làm việc với Giám đốc và Kế toán trưởng các Chi nhánh, Xí nghiệp và đưa ra những tồn tại khắc phục trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, công tác quản lý tài chính của Công ty, qua đó góp phần đảm bảo sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả.

- Trong năm 2020 HĐQT đã ra 06 Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc tăng vốn điều lệ; Thông qua về tổ chức Đại hội đồng cổ đông; Thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu;

Chấp thuận đơn từ nhiệm của TV.HĐQT/ Phó TGD Công ty; Thay đổi nhân sự Tổng giám đốc và KHSX kinh doanh năm 2021.

- Ban Tổng giám đốc điều hành đã tổ chức, chỉ đạo thực hiện tốt hoạt động SXKD theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tuân thủ theo quy định của Pháp luật và các quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty. Ban Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện tốt các nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể. Căn cứ hướng dẫn các quy định của Công ty ban hành, hàng ngày theo dõi hành vi, vi phạm nội quy, quy chế của cán bộ công nhân viên. Ban Tổng giám đốc cũng chỉ đạo công tác điều hành thực hiện các giải pháp về đơn hàng và tổ chức sản xuất phù hợp với phương án kỹ thuật, đẩy mạnh năng suất lao động của toàn công ty.

Thành viên Ban kiểm soát (BKS)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ
1	Lê Thị Hồng Thắm	Trưởng ban	3	50%
2	Đỗ Ngọc Tuyến	Ủy viên	6	100%
3	Nguyễn Thị Kim Thành	Ủy viên	3	50%

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm qua BKS triệu tập 6 cuộc họp, nội dung về công tác nhân sự, kiểm tra và đôn đốc nhắc nhở nhiệm vụ của từng thành viên, chịu trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát từng mảng của mình được phân công, phù hợp với nhiệm vụ của từng thành viên BKS - BKS tham dự các cuộc họp của hội đồng quản trị, tham gia đóng góp ý kiến trong công tác kế hoạch sản xuất và điều hành sản xuất kinh doanh, trong công tác quản lý và quản trị công ty

Công tác kiểm tra

a. Công tác kiểm tra tài chính: Kiểm tra công tác tài chính trong năm được 8 đợt kiểm tra, chứng từ kế toán, ngân hàng, hợp đồng kinh tế và kiểm tra quyết toán tài chính quý năm. Trong quá trình kiểm tra có một số sai sót đã tham gia với bộ phận chuyên môn khắc phục kịp thời; chứng từ lưu được đóng theo từng tháng.

b. Công tác kiểm tra ATVSLĐ - PCCN, CSLĐ

Tổng số CNLĐ được giao kết HĐLĐ: 1858 người. Trong đó có: 207 người nghỉ chế độ Thai sản, tạm hoãn. Số lao động được ký kết đóng BHXH là: 1705 người. Hợp đồng theo mùa vụ hoặc theo công việc có tính chất nhất định (dưới 12 tháng): 153 người.

Các chế độ của người lao động được bảo đảm như: 100% CNVLĐ làm việc tại công ty được ký HĐLĐ, được hưởng BHXH, BHYT, tiền lương, thưởng, chế độ lao động nữ, đã giải quyết kịp thời các chế độ, quyền lợi cho CNVCLĐ theo đúng qui định của Bộ luật lao động.

Công ty thành lập Hội đồng bảo hộ lao động, bộ phận BHLĐ, bộ phận y tế trong doanh nghiệp. Thực hiện tốt các công tác An toàn vệ sinh lao động và PCCC, Tổ chức bộ máy làm công tác bảo hộ lao động tại đơn vị từ tổ sản xuất đến các phòng ban.

• Mạng lưới An toàn vệ sinh được thành lập tháng 7 năm 2020 với tổng số là 24 người, hàng tháng, Công ty phụ cấp 30.000 đ/người/tháng. Lập kế hoạch dự trữ cấp phát BHLĐ cho năm 2020 với tổng số tiền là 795.720.000 đ.

• Đào tạo huấn luyện ATVSLĐ định kỳ cho toàn bộ quản lý trong đơn vị và lên kế hoạch tháng 12/2020, tổ chức đào tạo ATVSLĐ cho tất cả người lao động tháng 02/2020. Kiểm tra định kỳ các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ vào ngày 03/09/2017 hết hạn vào ngày 03/09/2022. Thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe năm 2020 cho toàn bộ Người lao động. Lập kế hoạch tổ chức các buổi tuyên truyền, giáo dục về BHLĐ cho người lao động. Thực hiện duy trì và vận hành công trình xử lý ô nhiễm, đảm bảo môi trường vệ sinh lao động. Đăng ký, kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động. Thực hiện các chính sách chế độ bảo hộ lao động (trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân, khám sức khỏe định kỳ, bồi dưỡng bằng hiện vật, thời giờ làm việc, nghỉ ngơi, chế độ đối với lao động nữ, lao động vị thành niên...). Năm 2020 không để xảy ra vụ tai nạn lao động nào.

c. Công tác kiểm tra quyết toán nguyên phụ liệu, kinh doanh, xuất nhập khẩu

- Công tác kinh doanh: Đã định hướng xây dựng khách hàng phù hợp với yêu cầu của HĐQT, từng bước sàng lọc các khách hàng tốt phù hợp với tay nghề của công nhân

- Tiếp tục tìm kiếm các khách hàng mới cho xí nghiệp may Đại Từ

- Công tác XNK: Thanh khoản kịp thời chính xác

- Công tác Quyết toán NPL đòi tiền: bộ phận KD đã tích cực hơn trong quá trình làm quyết toán và đôn đốc đòi tiền khách hàng đúng hạn, đàm phán với các khách thực hiện thanh toán bằng phương thức LC at sight để đảm bảo an toàn trong thanh toán.

E2. BAN KIỂM SOÁT

Thù lao của Ban kiểm soát năm 2020

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Nguyễn Huy Hoàng	Trưởng BKS	65.000.000
2	Đỗ Ngọc Tuyến	Thành viên BKS	243.063.364
3	Hà Thị Thu	Thành viên BKS	138.452.198
	Tổng cộng		446.515.562

Đánh giá kết quả kinh doanh và tình hình tài chính năm 2020

Khoản mục	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	Tỷ lệ đạt 2020 (%)
Doanh thu tiêu thụ	565,6	272,09	366,12	48,1
Lợi nhuận trước thuế	58,2	18,27	31,5	31,4

Chỉ tiêu	Đơn vị	2019	2020	Tăng/ giảm
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	201,55	220,14	Tăng 9,2%
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	139,28	174,59	Tăng 25,2%
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	154,70	181,70	Tăng 12,8%
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	32,1	43,06	Tăng 56%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	26,1	15,7	Giảm 39,8%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	155,02	169,96	Tăng 9,6%

- Năm 2020, kết quả kinh doanh không đạt kế hoạch đề ra do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 khiến các khách hàng của công ty giảm đơn hàng khi nhu cầu mua sắm của người dân giảm mạnh.

- Về đầu tư máy móc thiết bị: Công ty đầu tư hệ thống máy trải vải tự động, tổng dự toán đầu tư 12 tỷ đồng, trong khi đó vốn chủ sở hữu năm 2018 không tăng chủ yếu là vốn vay ngân hàng, dư nợ đến 31/12/2018 trên 106 tỷ. Do đó chi phí tài chính tăng so với năm 2017.

E2. BAN KIỂM SOÁT

Những kiến nghị của Ban kiểm soát về phương hướng năm 2021

Để tăng lợi nhuận ngoài việc tăng năng suất lao động, doanh thu tăng, giảm chi phí, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần chỉ đạo điều hành giảm một số chi phí nổi bật sau:

- Năm 2020 chi phí xuất nhập khẩu và vận tải chiếm 4,5% trên doanh thu sản xuất (năm 2019 là 3,3%) và chiếm 6% trên giá CM với tỷ lệ trên là cao.

- Bộ phận kinh doanh cần phải chủ động, cân đối nguồn hàng đảm bảo ổn định sản xuất đối với các Xí nghiệp; cần chủ động đánh giá tính hiệu quả của từng đơn hàng để xác định khách hàng chính của từng Xí nghiệp.

- Doanh thu giảm 25,7% so với năm 2019 nhưng chi phí quản lý doanh nghiệp lại tăng 24,5% so với năm 2019. Do vậy, cần phải cơ cấu, sắp xếp lại bộ máy quản lý theo hướng tinh giảm để giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tình hình dịch bệnh Covid-19 trong nước và trên thế giới thời gian tới còn nhiều diễn biến phức tạp,

khó lường vì vậy Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần có những giải pháp kịp thời để thích nghi với tình hình mới, phấn đấu tăng doanh thu, giữ vững và khai thác thêm được các đơn hàng tốt, khai thác tối đa cơ sở vật chất.

Để đảm bảo thực hiện chế độ chi trả thanh toán ngắn hạn được kịp thời, yêu cầu hàng tháng, Công ty trích nộp tiền bảo hiểm cho cơ quan Bảo hiểm xã hội địa phương.

Qua một năm Ban kiểm soát hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại đại hội thường niên năm 2020. Ban kiểm soát đã thực hiện được một số nhiệm vụ trên, góp phần cùng HĐQT và bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện được những chỉ tiêu cơ bản mà Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên đã biểu quyết thông qua. Bên cạnh đó còn hạn chế là 2/3 thành viên ban kiểm soát kiêm nhiệm, công việc chuyên môn nhiều, ảnh hưởng tới thời gian kiểm tra.

E3. TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Phối hợp giữa Ban kiểm soát trong điều hành

- Việc phối hợp giữa Hội Đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát được thực hiện hiệu quả. Các phòng ban trong công ty đã tích cực phối hợp, cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu, góp phần để hoạt động của Ban kiểm soát ngày càng hoàn thiện và đạt kết quả tốt.

- Tham gia hội đồng đàm phán hợp đồng với các khách hàng, nhà cung cấp, bàn giá theo hội đồng công khai.

- Trước khi ký kết hợp đồng hoặc mua, hoặc bán các hợp đồng khác, các cá nhân có thẩm quyền ký kết đều thông tin đến Ban kiểm soát để thẩm định về mặt pháp lý nhằm tránh các rủi ro về thanh toán và phải có dấu xác nhận của Ban kiểm soát thì lãnh đạo công ty mới phê duyệt để thực hiện Hợp đồng.

- Ban lãnh đạo công ty căn cứ vào kết quả đánh giá nhà cung cấp của Ban kiểm soát để phê duyệt nhà cung cấp, từ đó ký kết hợp đồng với nhà cung cấp.

- Kiểm soát các báo cáo KQKD theo tháng, theo quý, nếu lỗi, ban kiểm soát sẽ kiểm tra, phân tích nguyên nhân lỗi, kế hoạch các tháng tiếp theo và đề xuất các khuyến nghị.



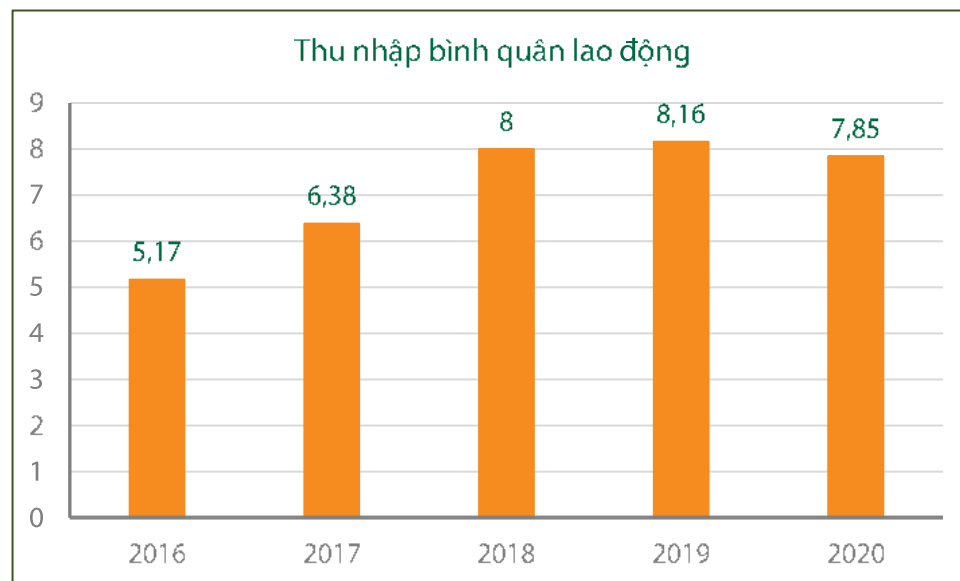
F. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

F1. Chính sách người lao động	72
F2. Chính sách liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	74

F1. CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

Với đặc thù của ngành may mặc xuất khẩu, chất lượng lao động có tác động lớn tới hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, TDT luôn chú trọng việc xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo và nhân văn. Thực hiện các chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm không ngừng nâng cao tay nghề, chuyên môn và kỹ năng của đội ngũ lao động.

Tiêu chí	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Thu nhập/lương trung bình (triệu đồng/người/tháng)	4,95	5,17	6,38	8	8,16	7,85



Để thu hút và giữ chân người lao động có chất lượng cao gắn bó lâu dài với công ty, TDT đã và đang thực hiện chính sách lương, thưởng và phúc lợi phù hợp. Trong giai đoạn 2014-2019, mức lương trung bình của người lao động tăng dần qua các năm. Để tạo động lực cho người lao động, công ty cũng xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp.

Tăng cường sự đoàn kết gắn bó giữa người lao động với nhau và với công ty, các công tác Đảng, Đoàn và Công đoàn được chú trọng thực hiện. Bên lề hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty cũng tổ chức các hoạt động ngoại khóa giúp cho người lao động có tâm lý thoải mái, tinh thần hăng say trong lao động từ đó, giúp tăng sức sáng tạo và hiệu quả thực hiện công việc.

F1. CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

Một số sự kiện dành cho người lao động được Công ty tiến hành tổ chức trong năm 2020

Nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu, công đoàn và Đoàn Thanh niên dưới sự chỉ đạo và chia sẻ kịp thời của Chi Ủy công ty, HĐQT và BGĐ công ty đã tổ chức chương trình “Thắp lửa yêu thương, sẻ chia cùng đón tết”



Ban chấp hành Đoàn thanh niên phối hợp với Công đoàn công ty tổ chức tặng quà sinh nhật cho cán bộ công nhân viên.

Công đoàn công ty đã phát động nhiều cuộc thi để hướng về CNVCD để hưởng ứng Tháng công nhân năm 2020.



F2. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Với định hướng phát triển bền vững trong tương lai, TDT không chỉ chú trọng lợi ích của Công ty mà còn quan tâm đến lợi ích của xã hội, đặc biệt là cộng đồng địa phương, nơi Công ty đặt nhà máy hoạt động. Ngành dệt may là ngành thâm dụng lao động nên TDT cũng như các công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực luôn cần một lượng lớn lao động. Vì thế, Công ty đang góp phần tạo công ăn việc làm và nguồn thu nhập ổn định cho một lượng lớn lao động trong khu vực. Bên cạnh đó, TDT cũng thực hiện các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác.

HÀNH TRÌNH “TIẾP BƯỚC EM ĐẾN TRƯỜNG”

Hưởng ứng chủ trương của tỉnh ủy Thái Nguyên, và huyện ủy Phú Bình, TDT đã tổ chức Lễ trao tặng quà “Tuần cao điểm Tết vì người nghèo năm 2020”; tặng 50 suất quà cho các em học sinh thuộc địa phận xã Bàn Đạt, huyện Phú Bình.

Hàng năm, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT đều tổ chức chương trình thiện nguyện. Năm 2020, đã tổ chức thành công chương trình “Tiếp bước em đến trường” để giúp đỡ những trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn tại Trường Tiểu Khe mo, xã Khe mo, huyện Đònh hỷ, tỉnh Thái Nguyên.





G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2020

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Số: 07/2021/CBTT-TDT

V/v: CBTT Báo cáo tài chính đã
kiểm toán năm 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Quý cổ đông

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Mã chứng khoán: TDT

Địa chỉ trụ sở chính: Xóm Thuận Pháp, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 02086 567 898

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Việt Thắng- Người được ủy quyền công bố thông tin

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT thực hiện Công bố thông tin định kỳ về Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ:

www.tdtgroup.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (dề b/c)
- Ban Tổng GD (dề b/c)
- Lưu TK, HĐQT.

Người được ủy quyền thực hiện
công bố thông tin



NGUYỄN VIỆT THẮNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	07 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 4600941221 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 22 tháng 03 năm 2011. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã có 10 (mười) lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 20 tháng 07 năm 2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 139.461.440.000 đồng (Một trăm ba mươi chín tỷ bốn trăm sáu mươi một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng./.).

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Chu Thuýn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Đặng Đình Vụ	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/06/2020)
- Ông Phạm Thái Hòa	Thành viên
- Ông Dương Ngọc Hải	Thành viên độc lập
- Ông Phan Mạnh Hà	Thành viên độc lập
- Ông Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên độc lập

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Chu Thuýn	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 18/09/2020)
- Ông Nguyễn Việt Thắng	Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 18/09/2020)
- Ông Đặng Đình Vụ	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 18/06/2020)

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Huy Hoàng	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 26/04/2020)
- Bà Lê Thị Hồng Thắm	Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 06/05/2020)
- Bà Hà Thị Thu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2020)
- Bà Nguyễn Thị Kim Thành	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 06/05/2020)
- Ông Đỗ Ngọc Tuyền	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc (Tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Thắng

Số: 22/2021/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT được lập ngày 24 tháng 03 năm 2021, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 43 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo Chuẩn mực Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán và các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc của kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT, và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Trần Thị Nguyệt
Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0589-2018-242-1

Trịnh Thu Huyền
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2993-2019-242-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		220.141.729.188	201.550.214.283
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.745.655.851	41.154.000.839
1. Tiền	111		8.745.655.851	41.154.000.839
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.743.282.817	34.539.137.651
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	25.223.439.355	21.914.146.660
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		420.443.462	4.596.141.166
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.3	2.135.000.000	2.120.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	4.964.400.000	5.908.849.825
IV. Hàng tồn kho	140	5.9	174.066.086.320	120.921.607.654
1. Hàng tồn kho	141		174.108.971.379	120.955.915.702
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(42.885.059)	(34.308.048)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.586.704.200	4.935.468.139
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	185.331.528	499.628.467
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.398.562.372	4.430.283.356
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	2.810.300	5.556.316
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		174.593.244.937	139.279.984.011
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.767.679.235	1.690.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	1.767.679.235	1.690.000.000
I. Tài sản cố định	220		110.655.171.979	87.629.247.032
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	95.127.920.981	74.343.870.429
- Nguyên giá	222		185.745.277.473	145.596.574.671
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(90.617.356.492)	(71.252.704.242)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	2.562.673.955	-
- Nguyên giá	225		2.598.767.955	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(36.094.000)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	12.964.577.043	13.285.376.603
- Nguyên giá	228		14.346.211.352	14.346.211.352
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.381.634.309)	(1.060.834.749)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		59.973.866.755	46.962.562.905
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	59.973.866.755	46.962.562.905
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.196.526.968	2.998.174.074
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	2.196.526.968	2.998.174.074
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		394.734.974.125	340.830.198.294

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		224.775.049.819	185.807.369.215
I. Nợ ngắn hạn	310		181.705.957.220	153.702.633.409
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	12.001.856.244	15.518.023.400
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		44.763.283	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.592.385.678	821.247.658
4. Phải trả người lao động	314		10.526.981.686	11.550.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	525.686.521	573.943.522
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	4.823.522.754	1.161.829.692
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	150.967.098.579	123.574.023.844
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.223.662.475	503.565.293
II. Nợ dài hạn	330		43.069.092.599	32.104.735.806
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	43.069.092.599	32.104.735.806
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		169.959.924.306	155.022.829.079
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	169.959.924.306	155.022.829.079
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		139.461.440.000	116.217.970.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		139.461.440.000	116.217.970.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.498.484.306	38.804.859.079
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		14.785.291.897	12.652.249.374
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		15.713.192.409	26.152.609.705
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		394.734.974.125	340.830.198.294

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thúy Nga

Phạm Thái Hòa



Nguyễn Việt Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

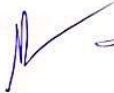
Mẫu số B 02 - DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		272.099.168.514	366.129.767.132
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.270.600.399	1.126.817.291
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	270.828.568.115	365.002.949.841
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	195.020.501.403	284.521.797.378
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		75.808.066.712	80.481.152.463
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.141.041.772	512.709.771
7. Chi phí tài chính	22	6.4	6.627.104.096	6.145.549.035
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.137.550.856	5.587.923.129
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	9.696.316.245	8.966.815.421
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	43.699.473.690	35.111.191.783
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.926.214.453	30.770.305.995
11. Thu nhập khác	31	6.6	1.352.109.854	1.014.292.120
12. Chi phí khác	32	6.7	222.439	244.056.188
13. Lợi nhuận khác	40		1.351.887.415	770.235.932
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.278.101.868	31.540.541.927
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	2.564.909.459	5.387.932.222
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.713.192.409	26.152.609.705
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.261	3.263
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	1.261	3.263

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thúy Nga



Phạm Thái Hòa



Nguyễn Việt Thắng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
 Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B 03 - DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	18.278.101.868	31.540.541.927
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	19.721.545.810	15.299.008.969
Các khoản dự phòng	03	8.577.011	21.442.530
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	(316.591.856)	170.076.459
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.984.700)	(213.443.839)
Chi phí lãi vay	06	6.137.550.856	5.587.923.129
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	43.821.198.989	52.405.549.175
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	1.744.781.939	(60.108.735)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(53.153.055.677)	2.186.841.994
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(19.220.990.022)	(3.154.324.759)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	1.115.944.045	(668.210.906)
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.137.550.856)	(5.468.740.629)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.859.625.404)	(4.965.162.037)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(56.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(33.745.296.986)	40.275.844.103
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHD khác	21	(35.270.225.191)	(80.610.719.104)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	24.238.093
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(2.135.000.000)	(2.147.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24	2.120.000.000	2.014.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.984.700	189.205.746
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(35.277.240.491)	(80.530.275.265)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	-	24.045.120.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	313.844.880.350	333.434.385.699
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(277.087.101.856)	(290.546.991.644)
4. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	(34.513.920)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	36.723.264.574	66.932.514.055
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(32.299.272.903)	26.678.082.893
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	41.154.000.839	14.464.329.952
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(109.072.085)	11.587.994
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8.745.655.851	41.154.000.839

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thủy Nga

Phạm Thái Hòa

Nguyễn Việt Thắng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 4600941221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 22 tháng 03 năm 2011. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã có 10 (mười) lần thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 20 tháng 07 năm 2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 139.461.440.000 đồng (Một trăm ba mươi chín tỷ bốn trăm sáu mươi một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng./).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là Sản xuất hàng may mặc.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật);
- Sản xuất thảm, chăn đệm;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (máy móc, thiết bị lâm nghiệp, công nghiệp, văn phòng);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (mỹ phẩm, đồ lưu niệm);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (máy móc, thiết bị lâm nghiệp, công nghiệp, văn phòng);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (dịch vụ xuất nhập khẩu, ủy thác xuất nhập khẩu, giao nhận hàng hóa);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Giáo dục nghề nghiệp; (Dạy nghề may công nghiệp);
- Xuất nhập khẩu mặt hàng công ty kinh doanh;
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính đặt tại xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Số lượng lao động tại ngày 31/12/2020: 1.658 người.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- | | |
|-------------------------------------|---|
| - Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: | Giá bình quân gia quyền tháng |
| - Sản phẩm dở dang: | Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trích lập theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.6.1. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B09 - DN

do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05 năm

4.6.2. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

- Quyền sử dụng đất	49 năm
---------------------	--------

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B09 - DN

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

4.9. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.10. Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

4.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính như chi phí lãi vay phải trả. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12. Vay và nợ thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng, khế ước vay.

4.13. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Cổ tức phải trả cho các cổ đông phải được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.14. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B09 - DN

- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (v) Thu nhập khác là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

4.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

4.16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuê môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

4.17. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

4.18. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Doanh thu từ bán hàng hóa, thành phẩm chịu thuế suất thuế GTGT là 0% và 10%.

Thuế thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm.

Trong năm 2011 Công ty có đầu tư dự án tại vùng kinh tế khó khăn (Giấy chứng nhận đầu tư số 17121000095 của UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 11 tháng 10 năm 2011). Công ty xác định ưu đãi đầu tư theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 và Nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 như sau:

Tại mục 4 điều 15, mục 3 điều 16 chương IV, của Nghị định 124/2008/NĐ-CP thuế suất ưu đãi 20 % trong vòng 10 năm, miễn thuế 02 năm, giảm 50 % số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Tại mục 2 điều 20, chương V của Nghị định 218/2013/NĐ-CP nêu rõ, tính đến hết kỳ tính thuế năm 2015 trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư đang được áp dụng thuế suất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

ưu đãi là 20% quy định tại khoản 3 điều 15 Nghị định này kể từ 01 tháng 01 năm 2016 được chuyển sang áp dụng thuế suất 17% cho thời gian còn lại.

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 hướng dẫn thi hành Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định quy định về thuế. Tại khoản 1a Điều 12 nêu rõ việc sửa đổi, bổ sung khoản 1a, điều 20, Thông tư 78/2014/TT-BTC như sau: Miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Năm 2019, Chi nhánh May TDT Đại Từ thành lập và đi vào hoạt động. Theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định quy định về thuế. Tại điều 6, chương I nêu rõ việc sửa đổi, bổ sung khoản 3, điều 20, Thông tư 78/2014/TT-BTC như sau: Miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo.

Trong năm Công ty đang áp dụng thuế TNDN như sau: Công ty áp dụng thuế suất 17%; Chi nhánh May TDT Đại Từ được miễn thuế.

Các loại thuế khác: được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

4.21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.22. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về

các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực Kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số 7.4.

4.23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: Gia công hàng hóa và sản xuất thành phẩm nguyên chiếc.

Khu vực địa lý

Trong năm, Công ty hoạt động chủ yếu là hoạt động xuất khẩu. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	413.466.508	431.414.763
Tiền gửi ngân hàng	8.332.189.343	40.722.586.076
Cộng	8.745.655.851	41.154.000.839

5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Asmara International Limited	8.648.366.058	4.516.246.771
- Pan-Pacific Co., Ltd	2.107.591.494	3.236.490.573
- Công ty TNHH May Bình Minh - ATC	1.973.603.628	-
- Tổng Công ty Đức Giang - CTCP	548.651.000	631.961.139
- Cobest Hong Kong Co., Ltd	5.615.566.824	7.379.161.670
- Capital Garment Co., Ltd	6.109.339.660	5.786.018.536
- Phải thu các khách hàng khác	220.320.691	364.267.971
Cộng	25.223.439.355	21.914.146.660

5.3. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự VND	Giá gốc VND	Dự VND
Bùi Hồng Vân (i)	1.800.000.000	-	1.800.000.000	-
Đào Thị Thu Thủy (ii)	160.000.000	-	150.000.000	-
Bùi Minh Thái (iii)	110.000.000	-	105.000.000	-
Bùi Huy Tùng (iv)	65.000.000	-	65.000.000	-
Cộng	2.135.000.000	-	2.120.000.000	-

- i. Hợp đồng vay số 01/TDT-BHV/2020 ngày 5/5/2020, số tiền 1.800.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 9 tháng. Đây là khoản cho vay bằng hình thức tín chấp.
- ii. Hợp đồng vay số 04/TDT-ĐTTT/2020 ngày 15/5/2020, số tiền 160.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 9 tháng. Đây là khoản cho vay bằng hình thức tín chấp.
- iii. Hợp đồng vay số 03/TDT-BMT/2020 ngày 11/5/2020, số tiền 110.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 9 tháng. Đây là khoản cho vay bằng hình thức tín chấp.
- iv. Hợp đồng vay số 02/TDT-BHT/2020 ngày 11/5/2020, số tiền 65.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 9 tháng. Đây là khoản cho vay bằng hình thức tín chấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.4. Phải thu khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng VND	Giá trị	Dự phòng VND
a) Các khoản phải thu khác ngắn hạn				
- Tam ứng	4.964.400.000	-	5.339.305.000	-
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	-	192.825	-
- Phải thu khác	-	-	569.352.000	-
Cộng	4.964.400.000	-	5.908.849.825	-
b) Các khoản phải thu khác dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.767.679.235	-	1.690.000.000	-
Cộng	1.767.679.235	-	1.690.000.000	-

5.5. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	185.331.528	499.628.467
Cộng	185.331.528	499.628.467
b) Dài hạn		
- Chi phí thuê đất làm xưởng	193.000.000	525.000.000
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	2.003.526.968	2.473.174.074
Cộng	2.196.526.968	2.998.174.074

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Cải tạo và mở rộng nhà xưởng	59.973.866.755	46.962.562.905
Cộng	59.973.866.755	46.962.562.905

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán, thiết kế VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2020	14.346.211.352	-	14.346.211.352
Tại ngày 31/12/2020	<u>14.346.211.352</u>	-	<u>14.346.211.352</u>
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2020	1.060.834.749	-	1.060.834.749
Khấu hao trong năm	320.799.560	-	320.799.560
Tại ngày 31/12/2020	<u>1.381.634.309</u>	-	<u>1.381.634.309</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2020	<u>13.285.376.603</u>	-	<u>13.285.376.603</u>
Tại ngày 31/12/2020	<u>12.964.577.043</u>	-	<u>12.964.577.043</u>

5.8. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2020	-	-
Thuê tài chính trong năm	2.598.767.955	2.598.767.955
Tại ngày 31/12/2020	<u>2.598.767.955</u>	<u>2.598.767.955</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2020	-	-
Khấu hao trong năm	36.094.000	36.094.000
Tại ngày 31/12/2020	<u>36.094.000</u>	<u>36.094.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2020	-	-
Tại ngày 31/12/2020	<u>2.562.673.955</u>	<u>2.562.673.955</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B09 - DN

5.9. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dư phòng VND	Giá gốc VND	Dư phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	20.485.124.597	-	13.811.524.432	-
Công cụ, dụng cụ	77.712.280	-	968.411.927	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.466.079.483	-	917.921.341	-
Thành phẩm nhập kho	151.037.169.960	-	105.215.172.943	-
Hàng hoá	42.885.059	(42.885.059)	42.885.059	(34.308.048)
Cộng	174.108.971.379	(42.885.059)	120.955.915.702	(34.308.048)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B09 - DN

5.10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải; truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2020	55.417.133.929	81.495.685.863	6.944.286.474	1.485.636.254	253.832.151	145.596.574.671
Mua trong năm	50.000.000	16.368.213.044	-	77.330.909	-	16.495.543.953
Đầu tư XDCB hoàn thành	21.493.226.819	1.740.554.304	-	373.922.726	45.455.000	23.653.158.849
Tại ngày 31/12/2020	<u>76.950.360.748</u>	<u>99.604.453.211</u>	<u>6.944.286.474</u>	<u>1.936.889.889</u>	<u>299.287.151</u>	<u>185.745.277.473</u>
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2020	21.989.234.235	43.630.238.415	4.606.426.375	772.973.066	253.832.151	71.252.704.242
Khấu hao trong năm	6.422.541.445	11.794.749.118	867.621.230	268.376.708	11.363.749	19.364.652.250
Tại ngày 31/12/2020	<u>28.411.775.680</u>	<u>55.424.987.533</u>	<u>5.474.047.605</u>	<u>1.041.349.774</u>	<u>265.195.900</u>	<u>90.617.356.492</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2020	33.427.899.694	37.865.447.448	2.337.860.099	712.663.188	-	74.343.870.429
Tại ngày 31/12/2020	<u>48.548.585.068</u>	<u>44.179.465.678</u>	<u>1.470.238.869</u>	<u>895.540.115</u>	<u>34.091.251</u>	<u>95.127.920.981</u>

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là: 36.092.565.119 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2020 là: 61.962.824.019 đồng.

5.11. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	2.921.804.205	2.921.819.722	15.517
Thuế xuất nhập khẩu	-	19.327.260	19.343.885	16.625
Thuế nhà đất	5.556.316	1.065.361.658	1.062.583.500	2.778.158
Cộng	5.556.316	4.006.493.123	4.003.747.107	2.810.300
b. Các khoản phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	759.663.983	2.564.909.459	1.859.625.404	1.464.948.038
Thuế thu nhập cá nhân	61.583.675	550.456.129	486.482.164	125.557.640
Các loại thuế, phí khác	-	95.932.008	94.052.008	1.880.000
Cộng	821.247.658	3.211.297.596	2.440.159.576	1.592.385.678

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B09 - DN

5.12. Phải trả người bán

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH TM và Dịch vụ Dũng Hùng	588.215.205	588.215.205	586.455.205	586.455.205
Avery Dennison Hong Kong B.V	-	-	159.298.099	159.298.099
Brother Machinery (ASIA) Limited	-	-	2.373.278.960	2.373.278.960
Công ty TNHH Bao Bi Hoa Nam	182.001.553	182.001.553	1.588.402.685	1.588.402.685
Công ty TNHH Máy may Giang Thành	1.066.996.968	1.066.996.968	397.512.700	397.512.700
Công ty Cổ phần Bao bi Hòa Phong	994.937.713	994.937.713	390.002.557	390.002.557
Phải trả người bán khác	9.169.704.785	9.169.704.785	10.023.073.194	10.023.073.194
Cộng	12.001.856.244	12.001.856.244	15.518.023.400	15.518.023.400

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B09 - DN

5.13. Chi phí phải trả

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Chi phí bảo lãnh và lãi vay phải trả	525.686.521	479.576.444
- Phí dịch vụ nhà sản xuất	-	94.367.078
Cộng	<u>525.686.521</u>	<u>573.943.522</u>

5.14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	1.871.191.643	1.161.829.692
- Bảo hiểm xã hội	2.952.331.111	-
Cộng	<u>4.823.522.754</u>	<u>1.161.829.692</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phù Bình, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn	143.862.730.923	143.862.730.923	280.227.730.415	254.969.164.911	118.604.165.419	118.604.165.419
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (i)	109.230.657.270	109.230.657.270	179.019.859.575	169.345.240.919	99.556.038.614	99.556.038.614
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (ii)	25.611.262.103	25.611.262.103	72.096.232.115	65.533.096.817	19.048.126.805	19.048.126.805
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thái Nguyên (iii)	9.020.811.550	9.020.811.550	27.351.970.088	18.331.158.538	-	-
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Thái Nguyên	-	-	1.759.668.637	1.759.668.637	-	-
b. Nợ dài hạn đến hạn trả	7.104.367.656	7.104.367.656	5.170.995.956	3.036.486.725	4.969.858.425	4.969.858.425
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên (vi)	280.000.000	280.000.000	346.628.300	628.856.677	562.228.377	562.228.377
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên (iv)	6.000.000.000	6.000.000.000	4.000.000.000	2.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Thái Nguyên (v)	407.630.048	407.630.048	407.630.048	407.630.048	407.630.048	407.630.048
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (vii)	416.737.608	416.737.608	416.737.608	-	-	-
Cộng	150.967.098.579	150.967.098.579	285.398.726.371	258.005.651.636	123.574.023.844	123.574.023.844

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	VND	VND	nợ VND
a. Vay dài hạn	43.069.092.599	41.437.760.528	35.712.366.669	24.748.009.876	32.104.735.806	32.104.735.806
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên (iv)	31.999.999.885	31.999.999.885	13.053.154.770	4.000.000.000	22.946.845.115	22.946.845.115
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Thái Nguyên (v)	1.427.760.643	1.427.760.643	-	407.630.048	1.835.390.691	1.835.390.691
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên (vi)	5.100.000.000	5.100.000.000	5.446.628.300	346.628.300	-	-
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (vii)	1.631.332.071	-	2.082.583.599	451.251.528	-	-
- Vay cá nhân	2.910.000.000	2.910.000.000	15.130.000.000	19.542.500.000	7.322.500.000	7.322.500.000
Cộng	43.069.092.599	41.437.760.528	35.712.366.669	24.748.009.876	32.104.735.806	32.104.735.806
b. Vay dài hạn bên liên quan						
Nguyễn Huy Hoàng	1.000.000.000	1.000.000.000	10.000.000.000	14.050.000.000	5.050.000.000	5.050.000.000
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000	10.000.000.000	14.050.000.000	5.050.000.000	5.050.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B09 - DN

5.16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)**c. Các khoản nợ thuê tài chính**

Thời hạn	31/12/2020			01/01/2020		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
- Từ 1 năm trở xuống	416.737.608	(*)	416.737.608	-	-	-
- Trên 1 năm đến 5 năm	1.631.332.071	(*)	1.631.332.071	-	-	-
- Trên 5 năm	-	-	-	-	-	-

(*) Lãi suất cho thuê được áp dụng từ thời điểm bên cho thuê tài chính giải ngân khoản tiền đầu tiên cho bên cung cấp/Bên nhận ủy thác nhập khẩu và được điều chỉnh 6 tháng/lần. Tại thời điểm giải ngân đầu tiên và thời điểm điều chỉnh, lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất Libor 6 tháng gần nhất cộng biên độ 4.5%/năm. Trong hợp đồng không có kế hoạch trả lãi.

d. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020-HĐCVHM/NHCT220-TDT ngày 11/08/2020. Theo đó, hạn mức cho vay là 135.000.000.000 đồng, vay bằng tiền VND hoặc USD. Thời hạn duy trì hạn mức: từ ngày 11/08/2020 đến hết ngày 31/07/2021, thời hạn cho vay và lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng may mặc. Biện pháp bảo đảm được quy định theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm.
- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/4642906/HĐTD ngày 18/05/2020. Theo đó, hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 đồng, vay bằng tiền VND hoặc ngoại tệ. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Biện pháp bảo đảm được thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng.
- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số HĐTD2802020001 ngày 09 tháng 01 năm 2020. Theo đó, hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng, lãi suất và thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ. Lãi vay được trả hàng tháng. Biện pháp đảm bảo bằng biện pháp cầm cố, thế chấp các tài sản bảo đảm theo đúng quy định của Ngân hàng và Pháp luật. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên được cấp tín dụng.
- (iv) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số 02/2019/4642906/HĐTD ngày 05/08/2019. Theo đó, số tiền vay là 46.000.000.000 đồng, vay bằng tiền VND hoặc ngoại tệ quy đổi. Thời hạn cho vay là 72 tháng, lãi suất 10%/năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên sau đó sẽ được điều chỉnh phù hợp với quy định của BIDV từng thời kỳ. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng nhà máy Đại Từ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy may TDT Đại Từ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

- (v) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số HDTD2802019031 ngày 30/01/2019. Theo đó, số tiền vay là 11.000.000.000 đồng, vay bằng tiền VND. Thời hạn cho vay là 4 năm, lãi suất vay được ghi cụ thể trên Giấy đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua máy móc thiết bị cho Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất hàng may sẵn, chần, ga, gối, đệm mở rộng tại xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Khoản vay được đảm bảo bằng biện pháp thế chấp các tài sản bảo đảm theo quy định của Ngân hàng.
- (vi) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 02/2020-HBCVDADT/NHCT220-TDT ngày 27/02/2020, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 04/2020-HBCV-SDBS[01]/NHCT220-TDT. Theo đó, số tiền vay không vượt quá 10.000.000.000 đồng, vay bằng tiền VND hoặc USD. Thời hạn cho vay là 4 năm, lãi suất 9,5%/năm trong 01 năm đầu, những năm tiếp theo thực hiện theo quy định của NHCT từng thời kỳ và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký Hợp đồng. Mục đích vay: Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Nâng cấp, sửa chữa nhà xưởng, thay thế 8 chuyển máy tại Nhà xưởng A1 thuộc nhà máy TDT Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.
- (vii) Khoản vay Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.20.06/CTTC ngày 9 tháng 10 năm 2020. Tài sản thuê tài chính bao gồm Máy trải vải tự động hiệu Kawakami NK 300CSI, Chần và bàn máy trải vải loại có thổi hơi với phụ kiện đồng bộ, Chần và bàn để di chuyển máy trải vải có giá trị thuê 112.302 USD. Mục đích của khoản tài sản này là để phục vụ hoạt động kinh doanh sản xuất của công ty. Khoản vay tiền ký quỹ đảm bảo là 3.370 USD.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2019	80.150.400.000	25.178.264.667	105.328.664.667
Vốn góp tăng trong năm	36.067.570.000	-	36.067.570.000
Lợi nhuận tăng trong năm		26.152.609.705	26.152.609.705
Phân phối lợi nhuận		(12.526.015.293)	(12.526.015.293)
Số dư tại ngày 01/01/2020	116.217.970.000	38.804.859.079	155.022.829.079
Vốn góp tăng trong năm (i)	23.243.470.000	-	23.243.470.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	15.713.192.409	15.713.192.409
Phân phối lợi nhuận (i)	-	(24.019.567.182)	(24.019.567.182)
Số dư tại ngày 31/12/2020	<u>139.461.440.000</u>	<u>30.498.484.306</u>	<u>169.959.924.306</u>

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phiên họp thường niên số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ. Phương án phân phối lợi nhuận như sau:

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 776.097.182 đồng
- Tăng vốn qua hình thức trả cổ tức: 23.243.470.000 đồng.

b) Chi tiết vốn của chủ sở hữu

	Tỷ lệ sở hữu (31/12/2020) %	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi tiết các cổ đông			
Chu Thuýn	15,8%	22.011.000.000	18.342.500.000
Nguyễn Việt Thắng	8,6%	12.000.000.000	10.000.000.000
Nguyễn Huy Hoàng	3,3%	4.554.000.000	3.795.000.000
Cán bộ cổ đông khác	72,3%	100.896.440.000	84.080.470.000
Cộng	<u>100%</u>	<u>139.461.440.000</u>	<u>116.217.970.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	116.217.970.000	80.150.400.000
- Vốn góp tăng trong năm	23.243.470.000	36.067.570.000
- Vốn góp cuối năm	139.461.440.000	116.217.970.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	24.019.567.182	503.565.293

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>Cổ phần</u>	<u>Cổ phần</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.946.144	11.621.797
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.946.144	11.621.797
- Cổ phiếu phổ thông	13.946.144	11.621.797
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.946.144	11.621.797
- Cổ phiếu phổ thông	13.946.144	11.621.797
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

5.18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Tại 31/12/2020 Công ty có nắm giữ một số hàng nhận gia công của khách hàng nhưng chưa hoàn thành bán giao là các nguyên vật liệu với 16 mã.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	272.099.168.514	366.129.767.132
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu xuất khẩu	252.120.116.362	353.649.020.811
- Doanh thu nội địa	19.979.052.152	12.480.746.321
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.270.600.399	1.126.817.291
- Giảm giá hàng bán	1.270.600.399	1.126.817.291
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	270.828.568.115	365.002.949.841

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn xuất khẩu	181.496.520.730	274.390.753.418
Giá vốn nội địa	13.515.403.662	10.109.601.430
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8.577.011	21.442.530
Cộng	195.020.501.403	284.521.797.378

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng; tiền cho vay	7.984.700	189.205.746
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	316.591.856	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	816.465.216	323.504.025
Cộng	1.141.041.772	512.709.771

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.137.550.856	5.587.923.129
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	489.553.240	387.549.447
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	170.076.459
Cộng	6.627.104.096	6.145.549.035

6.5. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	494.404.128	553.343.578
Chi phí nhân công	35.968.949.903	27.992.495.036
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.070.833	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.322.913.954	3.144.366.920
Chi phí khác bằng tiền	2.876.134.872	3.420.986.249
Cộng	43.699.473.690	35.111.191.783
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.035.575.765	7.961.237.691
Chi phí khác bằng tiền	3.660.740.480	1.005.577.730
Cộng	9.696.316.245	8.966.815.421

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Xóm Thuận Pháp, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.6. Thu nhập khác

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu từ thanh lý TSCĐ	-	24.238.093
+ Tiền thu từ thanh lý	-	27.272.727
+ Giá trị còn lại	-	3.034.634
Thu từ bán phế liệu	58.707.745	-
Thu từ phí sửa hàng	1.009.056.130	576.315.075
Các khoản thu nhập khác	284.345.979	413.738.952
Cộng	1.352.109.854	1.014.292.120

6.7. Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí sửa hàng	-	107.489.988
Các khoản bị phạt	-	62.100.000
Các khoản chi phí khác	222.439	74.466.200
Cộng	222.439	244.056.188

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp	18.278.101.868	31.540.541.927
Các khoản điều chỉnh thu nhập chịu thuế	131.932.745	153.177.027
+ Lỗ do đánh giá lại tỷ giá	-	18.993.027
+ Chi phí không được trừ	131.932.745	134.184.000
Tổng thu nhập chịu thuế	18.428.784.714	31.693.718.954
<u>Trong đó:</u>		
- Thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi thuế 17%	15.087.702.704	31.693.718.954
- Thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi miễn thuế	3.322.331.909	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	17%	17%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.564.909.459	5.387.932.222
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.564.909.459	5.387.932.222

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.9. Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.713.192.409	26.152.609.705
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.713.192.409	26.152.609.705
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	12.464.692	8.015.040
Lãi cơ bản/suy giảm trên một cổ phiếu	1.261	3.263
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	90.282.979.928	120.631.085.920
Chi phí nhân công	151.306.350.001	147.328.921.242
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.721.545.810	15.299.008.969
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.843.163.833	18.564.644.989
Chi phí khác bằng tiền	7.468.461.977	5.173.961.575
Cộng	289.622.501.549	306.997.622.695

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1. Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu nước ngoài và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có thể có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch phải thu, thu nợ, vay, trả nợ gốc vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty nắm giữ cổ phiếu của các công ty con có cùng các rủi ro như Công ty. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn nên Công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

8.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc/Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

8.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.745.655.851	-	8.745.655.851
Phải thu khách hàng	25.223.439.355	-	25.223.439.355
Phải thu khác	4.964.400.000	1.767.679.235	6.732.079.235
Tổng cộng	38.933.495.206	1.767.679.235	40.701.174.441
Tại 31/12/2020			
Phải trả người bán	12.001.856.244	-	12.001.856.244
Phải trả khác	4.823.522.754	-	4.823.522.754
Chi phí phải trả	525.686.521	-	525.686.521
Các khoản vay và nợ	150.967.098.579	43.069.092.599	194.036.191.178
Tổng cộng	168.318.164.098	43.069.092.599	211.387.256.697
Chênh lệch thanh khoản thuần	(129.384.668.892)	(41.301.413.364)	(170.686.082.256)
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.154.000.839	-	41.154.000.839
Phải thu khách hàng	21.914.146.660	-	21.914.146.660
Phải thu khác	5.908.849.825	1.690.000.000	7.598.849.825
Tổng cộng	68.976.997.324	1.690.000.000	70.666.997.324
Tại 01/01/2020			
Phải trả người bán	15.518.023.400	-	15.518.023.400
Phải trả khác	1.161.829.692	-	1.161.829.692
Chi phí phải trả	573.943.522	-	573.943.522
Các khoản vay và nợ	123.574.023.844	32.104.735.806	155.678.759.650
Tổng cộng	140.827.820.458	32.104.735.806	172.932.556.264
Chênh lệch thanh khoản thuần	(71.850.823.134)	(30.414.735.806)	(102.265.558.940)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Tuy nhiên, Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn dài hạn để bù đắp thiếu hụt trong ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Xóm Thuần Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

8.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**(iv) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.745.655.851	41.154.000.839	8.745.655.851	41.154.000.839
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.955.518.590	29.512.996.485	31.955.518.590	29.512.996.485
Cộng	40.701.174.441	70.666.997.324	40.701.174.441	70.666.997.324
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	12.001.856.244	15.518.023.400	12.001.856.244	15.518.023.400
Phải trả khác	4.823.522.754	1.161.829.692	4.823.522.754	1.161.829.692
Chi phí phải trả	525.686.521	573.943.522	525.686.521	573.943.522
Các khoản vay và nợ	194.036.191.178	155.678.759.650	194.036.191.178	155.678.759.650
Cộng	211.387.256.697	172.932.556.264	211.387.256.697	172.932.556.264

Ban Tổng giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B09 - DN

8.2. Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất gia công hàng hóa và sản xuất sản phẩm nguyên chiếc. Báo cáo bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty được trình bày như sau:

	Hoạt động gia công	Hoạt động sản xuất thành phẩm nguyên chiếc	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Năm 2020			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	151.674.996.445	120.424.172.069	272.099.168.514
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	1.270.600.399	1.270.600.399
Giá vốn hàng bán	109.317.567.028	85.702.934.375	195.020.501.403
Lợi nhuận gộp	42.357.429.417	33.450.637.295	75.808.066.712
Tổng tài sản	(*)	(*)	394.734.974.125
Nợ phải trả	(*)	(*)	224.775.049.819
Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)	(*)	(*)	37.352.808.750
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(*)	(*)	27.748.206.695
Tổng giá trị các khoản chi phí không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
8.2 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

	Hoạt động giá	Hoạt động sản xuất	Tổng cộng
	công	thành phẩm nguyên chiếc	
Năm 2019	VND	VND	VND
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	162.768.242.270	203.361.524.862	366.129.767.132
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	1.126.817.291	1.126.817.291
Giá vốn hàng bán	117.660.356.263	166.861.441.115	284.521.797.378
Lợi nhuận gộp	45.107.886.007	35.373.266.456	80.481.152.463
Tổng tài sản	(*)	(*)	340.830.198.294
Nợ phải trả	(*)	(*)	185.807.369.215
Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)	(*)	(*)	80.610.719.104
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(*)	(*)	20.194.530.652
Tổng giá trị các khoản chi phí không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn	-	-	-

(*) Những chỉ tiêu Công ty không theo dõi theo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý: Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty hoạt động chủ yếu là hoạt động xuất khẩu. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B09 - DN

8.3. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính

8.4. Thông tin về các bên có liên quan

a) Các bên liên quan

Bên liên quan

Chu Thuýền
Nguyễn Việt Thắng
Phạm Thái Hòa
Dương Ngọc Hải
Phan Mạnh Hà
Đỗ Mạnh Hùng
Lê Thị Hồng Thắm
Đỗ Ngọc Tuyền
Nguyễn Thị Kim Thành

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT
Tổng giám đốc
Thành viên HĐQT/ Kế toán trưởng
Thành viên HĐQT độc lập
Thành viên HĐQT độc lập
Thành viên HĐQT độc lập
Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát

b) Giao dịch với các bên liên quan

Ngoài thuyết minh các bên liên quan đã nêu trên, trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Giao dịch</u>	<u>Giá trị VND</u>
Nguyễn Huy Hoàng	Cho công ty vay tiền	10.000.000.000
	Công ty trả tiền vay	14.050.000.000

c) Thu nhập và thù lao của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Số tiền VND</u>
Chu Thuýền	Chủ tịch HĐQT	699.019.384
Nguyễn Việt Thắng	Tổng giám đốc	496.469.546
Đặng Đình Vụ	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng giám đốc	263.538.917
Phạm Thái Hòa	Thành viên HĐQT/ Kế toán trưởng	308.576.671
Dương Ngọc Hải	Thành viên HĐQT	50.000.000
Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	50.000.000
Phan Mạnh Hà	Thành viên HĐQT	50.000.000
Nguyễn Huy Hoàng	Trưởng ban Kiểm soát	65.000.000
Đỗ Ngọc Tuyền	Thành viên Ban Kiểm soát	243.063.364
Hà Thị Thu	Thành viên Ban Kiểm soát	138.452.198
Tổng		2.364.120.080

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B09 - DN

8.5. Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán.

8.6. Tính hoạt động liên tục của Công ty

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

8.7. Thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thúy Nga

Kế toán trưởng



Phạm Thái Hòa



Nguyễn Việt Thắng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Số:13/2021/CV-TDT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 03 năm 2021

**"V/v: Giải trình lợi nhuận năm 2020
giảm so với năm 2019"**

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước.
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)**

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, giải trình Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

Về vấn đề này, Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát Triển TDT (TDT) xin được giải trình biến động của lợi nhuận sau thuế năm 2020 so với năm 2019 trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty như sau:

1. Bảng so sánh doanh thu, lợi nhuận năm 2020 với năm 2019

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Thay đổi (%)
Doanh thu thuần	272.099.168.514	366.129.767.132	(25,68)
Doanh thu tài chính	1.141.041.722	512.709.771	122,6
Chi phí tài chính	6.627.104.096	6.145.549.035	7,84
Chi phí bán hàng	9.696.316.245	8.966.815.421	8.14
Chi phí quản lý DN	43.699.473.690	35.111.191.783	24,46
Thu nhập khác	1.352.109.854	1.014.292.120	33,3
Lợi nhuận sau thuế TNDN	15.713.192.409	26.152.609.705	(39,92)

So với năm 2019, lợi nhuận sau thuế năm 2020 của Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát Triển TDT giảm 39,92 %.



2. Nguyên nhân chính:

- Doanh thu thuần của Công ty năm 2020 so với năm 2019 giảm 25,68%. Do dịch covid-19 yêu cầu giãn cách xã hội tại các nước như Mỹ và Châu Âu dẫn tới việc Khách hàng lùi tiến độ giao hàng từ 06 tháng đến 01 năm. Do vậy việc ghi nhận doanh thu năm 2020 của TDT cũng giảm sút.

- Chi tài chính tăng 7,84% do các chi phí đầu vào, tiền lương và các chế độ của Người lao động vẫn được thanh toán đầy đủ mặc dù đơn hàng không xuất được. Dẫn đến việc phải vay thêm để chi trả, từ đó khiến chi phí tài chính tăng.

- Chi phí bán hàng tăng 8.14% là do chi phí vận tải biển của hãng tàu tăng đột biến trong năm 2020 làm cho chi phí bán hàng tăng thêm .

- Chi phí quản lý Doanh nghiệp tăng 24,46% là do Công ty bắt đầu vận hành Chi nhánh nhà máy may TDT Đại Từ vào tháng 03 năm 2020, đội ngũ quản lý tăng thêm gần 50% so với quy mô ban đầu dẫn chi phí tăng thêm.

Trên đây là những nguyên nhân chính dẫn tới việc lợi nhuận năm 2020 giảm so với cùng kỳ năm 2019. Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển TDT cam kết nội dung trong bản giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VT

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Lưu Thuyền